

KẾ HOẠCH

giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Căn cứ các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng;
- Căn cứ Kết luận số 148-KL/TW, ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả năm tình hình, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra đối với một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ủy ban Kiểm tra (UBKT) Trung ương ban hành Kế hoạch giám sát thường xuyên một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư¹ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chủ động nắm tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; gắn với đánh giá hiệu quả thực hiện, kết quả giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các tổ chức đảng được kiểm tra đối với các cơ quan Trung ương nêu tại Kết luận số 148-KL/TW, ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Tham mưu các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các tổ chức đảng, đảng viên phát huy ưu điểm; nhân rộng những mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân để cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn, uốn nắn, chấn chỉnh, sửa chữa, khắc phục; đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh cơ chế, chính sách, bảo đảm thực hiện đúng định hướng, mục tiêu chiến lược đã đề ra.

3. Phân công rõ trách nhiệm, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức trong tổ chức thực hiện giám sát. Tăng cường trách nhiệm và hiệu quả công tác chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong triển khai, thực hiện. Tạo cơ chế phản hồi hai chiều, nâng cao chất lượng quản lý, giám sát và điều hành, trách nhiệm giải trình, công khai tiến độ và kết quả. Xây dựng cơ chế giám sát liên tục (đối tượng giám sát có trách nhiệm cập nhật thông tin, báo cáo chủ thể giám sát định kỳ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất), có hệ thống, áp dụng công cụ, ứng dụng số để thu

¹ Việc thực hiện Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025; các chủ trương của Trung ương về sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tổ chức đại hội đảng bộ các cấp.

thập, phân tích dữ liệu phục vụ công tác giám sát và đánh giá tình hình triển khai; chuẩn hóa báo cáo.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

1.1. Việc thực hiện Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

1.2. Các chủ trương của Trung ương về sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tổ chức đại hội đảng bộ các cấp.

(Việc giám sát đối với Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị thực hiện theo Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW, ngày 04/4/2025).

2. Đối tượng giám sát

2.1. Các đảng ủy trực thuộc Trung ương và đảng ủy trực thuộc (đảng ủy các ban, bộ Trung ương, tập đoàn, tổng công ty; tập trung vào những địa bàn do UBKT Trung ương trực tiếp theo dõi).

2.2. Các Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương.

3. Phương pháp giám sát

3.1. UBKT Trung ương (các vụ Địa bàn trực tiếp thực hiện) giám sát đối với cấp ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy bộ, ban, ngành cơ quan Trung ương và các tổ chức đảng, đảng viên có liên quan.

3.2. UBKT các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương giám sát đối với các đảng ủy trực thuộc.

3.3. UBKT Trung ương thành lập tổ biên tập xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp. Các Vụ Địa bàn thành lập các tổ chuyên sâu theo các nội dung nêu tại mục 1, phần II; phối hợp với UBKT tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy các ban, bộ, tập đoàn, tổng công ty, nắm tình hình, xây dựng kế hoạch làm việc với một số tổ chức đảng cấp dưới trực thuộc (nếu cần thiết).

3.4. Thực hiện giám sát bằng nhiều phương thức kết hợp với giám sát trên dữ liệu (qua phần mềm giám sát).

3.5. Tập trung xây dựng phần mềm giám sát:

- Xây dựng hệ thống báo cáo giám sát trực tuyến thông qua các cơ sở dữ liệu văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; qua các báo cáo định kỳ, báo cáo nhanh khi có yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Ban chỉ đạo của Trung ương. Sử dụng phần mềm, kết hợp với ứng dụng công nghệ số để tổ chức thu thập, cập nhật dữ liệu, thông tin theo thời gian thực hiện. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám

sát để lượng hóa kết quả thực hiện theo từng nhóm đối tượng cụ thể, tại từng cấp.

- UBKT Trung ương xây dựng mẫu báo cáo, hệ thống chỉ tiêu, bộ chỉ số cần giám sát để lượng hóa kết quả thực hiện theo từng nhóm đối tượng cụ thể, tại từng cấp trước ngày 30/4/2025.

- Căn cứ mẫu báo cáo, hệ thống chỉ tiêu giám sát được phê duyệt, Cơ quan UBKT Trung ương xây dựng yêu cầu về phần mềm giám sát, các kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, quy trình thực hiện phục vụ công tác giám sát thường xuyên trước ngày 09/5/2025.

- UBKT Trung ương (giao Văn phòng Cơ quan chủ trì) phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng phần mềm, kết hợp với các ứng dụng công nghệ số, chia sẻ các dữ liệu, chỉ tiêu, chỉ số dùng chung để tổng hợp thông tin, xây dựng hệ thống báo cáo giám sát trực tuyến; xây dựng học liệu phục vụ cho đào tạo trực tuyến phần mềm, quy trình thực hiện giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề và triển khai đào tạo trực tuyến trên toàn quốc, chạy thử và hoàn thiện phần mềm trong tháng 6/2025, triển khai công tác giám sát từ tháng 7/2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Thành viên UBKT Trung ương phụ trách chỉ đạo các Vụ Địa bàn và hướng dẫn UBKT cấp dưới triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy các ban, bộ, tập đoàn, tổng công ty quán triệt, chỉ đạo các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện Kế hoạch này. Trong thời gian chờ hệ thống phần mềm hoạt động để báo cáo trực tuyến, cấp ủy cung cấp tài khoản của phần mềm xử lý văn bản để UBKT tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy của cấp ủy trực thuộc Trung ương và UBKT Trung ương truy cập, giám sát thường xuyên hoặc khi ban hành các văn bản liên quan đến nội dung giám sát gửi bản điện tử (định dạng, phương thức, địa chỉ gửi nhận văn bản sẽ có thông báo cụ thể sau); đồng thời, chủ động phân công, bố trí nhân sự và dự toán kinh phí thực hiện khi có hướng dẫn triển khai từ UBKT Trung ương.

3. Vụ Tổng hợp đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch, tổng hợp kết quả, báo cáo UBKT Trung ương theo quy định. Văn phòng Cơ quan UBKT Trung ương tham mưu xây dựng phần mềm thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, Đảng ủy các bộ, ngành Trung ương, Tập đoàn, Tổng công ty,... (các địa bàn UBKT Trung ương trực tiếp theo dõi) xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện theo Đề cương và gửi về các Vụ Địa bàn **trước ngày 27 hằng tháng** đối với báo cáo tháng, báo cáo các quý I, III, báo cáo giữa năm và cuối năm 2025.

5. Vụ Địa bàn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các địa phương, đơn vị (có ý kiến của các đồng chí Thành viên Ủy ban phụ trách) trình Thường trực Ủy ban (qua Vụ Tổng hợp kèm theo Báo cáo của từng địa bàn) **trước ngày cuối cùng** của tháng.

6. Vụ Tổng hợp tổng hợp Báo cáo kết quả chung, trình Thường trực Ủy ban xem xét, cho ý kiến **trước ngày 05** của tháng sau đó.

Vụ Tổng hợp tham mưu UBKT Trung ương xây dựng báo cáo gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Ban chỉ đạo khi có yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về UBKT Trung ương (qua Vụ Tổng hợp) để chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. 

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- UBKT các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Thành viên Ủy ban,
- Đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan UBKTTW,
- Lưu VT.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG
24-04-2025 11:03:17 +07:00

Trần Văn Rón

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đối với các đảng ủy các cơ quan Trung ương

- Tổng số tổ chức đảng, trong đó.... Đảng bộ trực thuộc, ...tổ chức cơ sở đảng.
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức; đảng viên; số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra, thường trực ủy ban kiểm tra cấp ủy.
- Số cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin...., khoa học kỹ thuật....Số lượng cán bộ, công chức được bồi dưỡng về khoa học công nghệ....(tỷ lệ % trên tổng số cán bộ, công chức).
- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực được Trung ương giao (theo tháng, quý, năm).

** Báo cáo tổng số tại Báo cáo đầu tiên; các báo cáo tiếp theo chỉ nêu sự thay đổi theo từng tháng, từng quý; báo cáo kết quả đầy đủ tại Báo cáo năm.*

2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

- Tổng số tổ chức đảng, trong đó.... Đảng bộ trực thuộc, ...tổ chức cơ sở đảng; số đơn vị hành chính cấp phường, xã, thôn, tổ dân phố hiện tại và dự kiến sau sắp xếp lại.
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức; đảng viên; số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra, thường trực ủy ban kiểm tra cấp ủy, trong đó: *Hiện tại: cấp tỉnh....; cấp huyện....; cấp phường, xã....; Dự kiến sau sắp xếp: cấp tỉnh....; cấp phường, xã....*
- Số cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin...., khoa học kỹ thuật....Số lượng cán bộ, công chức được bồi dưỡng về khoa học công nghệ....(tỷ lệ % trên tổng số cán bộ, công chức).
- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương (theo tháng, quý, năm).

** Báo cáo tổng số tại Báo cáo đầu tiên; các báo cáo tiếp theo chỉ nêu sự thay đổi theo từng tháng, từng quý; báo cáo kết quả đầy đủ tại Báo cáo năm.*

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

I. Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của BCH Trung ương

1. Ưu điểm

1.1. Đối với các đảng ủy các cơ quan Trung ương

1.1.1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy

a. Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc, cập nhật các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo.

- Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc khi có các chủ trương mới của Trung ương.

- Việc cập nhật, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo mới của Trung ương.

Số cuộc họp có nội dung liên quan; số lượng văn bản cấp ủy đã ban hành, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi đối với cấp ủy.

Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.

b. Việc triển khai thực hiện và chỉ đạo cấp dưới thực hiện các văn bản chỉ đạo mới của Trung ương và công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao của cấp ủy. Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

- Việc phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đồng chí Ủy viên BTV cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo Chương trình hành động của cấp ủy.

1.1.2. Việc cụ thể hóa, triển khai của các cơ quan Trung ương¹

a. Việc cập nhật, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi.

- Số lượng nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Trung ương:

+ Đánh giá theo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Chương trình, Kế hoạch hành động, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ². Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Chỉ thị cho các bộ, ngành, yêu cầu định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu.

¹ Các ban đảng Trung ương; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; Quốc hội, các tổ chức đảng cấp dưới; Chính phủ, bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty

² Như: Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 1/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 17/3/2025 về đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 21/3/2025 về nhiệm vụ, giải pháp của doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng trưởng kinh tế hai con số, phát triển đất nước nhanh và bền vững

+ Số nhiệm vụ thường xuyên đã triển khai, có kết quả 1 phần; số nhiệm vụ (không gồm nhiệm vụ thường xuyên) đã hoàn thành, trong đó số hoàn thành đúng hạn; số hoàn thành không đúng hạn.

- Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.
- Việc thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2025

+ Kết quả, tiến độ thực hiện so với kế hoạch, khó khăn, vướng mắc theo từng tháng, quý, nửa năm và cả năm (báo cáo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể theo kế hoạch đã đề ra và kết quả thực tế đạt được của cơ quan, đơn vị³).

+ Việc thực hiện các dự án trọng điểm, các động lực tăng trưởng; phân tích kết quả, dự báo mức độ hoàn thành theo kế hoạch, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, làm rõ các các động lực tăng trưởng trong năm 2025 và những động lực phát huy trong giai đoạn tiếp theo.

+ Việc tháo gỡ, hướng dẫn cấp dưới, địa phương tháo gỡ các dự án có khó khăn, vướng mắc (số lượng, tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc).

+ Việc chủ động điều chỉnh, ứng phó với các tình huống phức tạp, khó lường.

b. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương, đơn vị cấp dưới

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

- Việc ban hành, thực hiện kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, từng cấp lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao và kết quả chỉ đạo, kết quả công tác là căn cứ đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, đơn vị.

** Sử dụng Phụ lục số 02.TW: Bảng rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 123 để giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch năm 2025.*

1.2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

1.2.1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy

a. Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc, cập nhật các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo.

- Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc khi có các chủ trương mới của Trung ương.

- Việc cập nhật, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo mới của Trung ương.

³ Đối với các ngân hàng, yêu cầu báo cáo về: Tổng tài sản; tăng trưởng trung bình tổng tài sản; huy động vốn từ thị trường; tổng dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế; dư nợ tín dụng tăng trưởng bình quân trong giai đoạn nhiệm kỳ; tỷ lệ dư nợ tín dụng (LDR); chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu cho vay nền kinh tế, tỷ lệ nợ nhóm 2; thu nợ ngoại bảng; lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, đóng góp ngân sách nhà nước.

Đối với các tập đoàn, tổng công ty, yêu cầu báo cáo về: Tổng tài sản, tăng trưởng trung bình tổng tài sản; tổng doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn/tổng công ty; doanh thu công ty mẹ; lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn tập đoàn/tổng công ty; lợi nhuận sau thuế công ty mẹ, tỷ suất lợi nhuận; cổ tức công ty mẹ.

Nêu số cuộc họp có nội dung liên quan; số lượng văn bản cấp ủy đã ban hành, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi đối với cấp ủy.

Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.

b. Việc triển khai thực hiện và chỉ đạo cấp dưới thực hiện các văn bản chỉ đạo mới của Trung ương và công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao của cấp ủy. Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

- Việc phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đồng chí Ủy viên BTV cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo Chương trình hành động của cấp ủy.

1.2.2. Việc cụ thể hóa, triển khai của HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp dưới

a. Việc cập nhật, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi.

- Số lượng nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Trung ương:

+ Đánh giá theo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Chương trình, Kế hoạch hành động, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ⁴. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Chỉ thị cho các địa phương, yêu cầu định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu.

+ Số nhiệm vụ thường xuyên đã triển khai, có kết quả 1 phần; số nhiệm vụ (không gồm nhiệm vụ thường xuyên) đã hoàn thành, trong đó số hoàn thành đúng hạn; số hoàn thành không đúng hạn.

- Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.

- Việc thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2025

+ Kết quả, tiến độ thực hiện so với kế hoạch, khó khăn, vướng mắc theo từng tháng, quý, nửa năm và cả năm (báo cáo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể theo kế hoạch đã đề ra và kết quả thực tế đạt được của cơ quan, đơn vị).

⁴ Như: Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 1/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 17/3/2025 về đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 21/3/2025 về nhiệm vụ, giải pháp của doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng trưởng kinh tế hai con số, phát triển đất nước nhanh và bền vững

+ Việc thực hiện các dự án trọng điểm, các động lực tăng trưởng; phân tích kết quả, dự báo mức độ hoàn thành theo kế hoạch, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, làm rõ các các động lực tăng trưởng trong năm 2025 và những động lực phát huy trong giai đoạn tiếp theo.

+ Việc tháo gỡ, hướng dẫn cấp dưới, địa phương tháo gỡ các dự án có khó khăn, vướng mắc (số lượng, tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc).

+ Việc chủ động điều chỉnh, ứng phó với các tình huống phức tạp, khó lường.

b. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các địa phương, đơn vị cấp dưới

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

- Việc ban hành, thực hiện kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, từng cấp lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao và kết quả chỉ đạo, kết quả công tác là căn cứ đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, đơn vị.

** Sử dụng Phụ lục số 02.ĐP: Bảng rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 123 để giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch năm 2025.*

2. Hạn chế, khuyết điểm

2.1. Đối với các đảng ủy các cơ quan Trung ương

2.2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

3. Nguyên nhân

3.1. Từ phía các cơ quan Trung ương

3.2. Từ phía các địa phương

II. Việc thực hiện các chủ trương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp⁵

1. Ưu điểm

1.1. Đối với các đảng ủy các cơ quan Trung ương

1.1.1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy

a. Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc, cập nhật các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo.

- Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc khi có các chủ trương mới của Trung ương.

- Việc cập nhật, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo mới của Trung ương.

Nêu số cuộc họp có nội dung liên quan; số lượng văn bản cấp ủy đã ban hành, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi đối với cấp ủy.

⁵ Kết luận số 121-KL/TW; Kết luận số 127-KL/TW; Chỉ thị số 45-CT/TW; các chủ trương khác có liên quan

Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.

b. Việc triển khai thực hiện và chỉ đạo cấp dưới thực hiện các văn bản chỉ đạo mới của Trung ương và công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao của cấp ủy. Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

1.1.2. Việc cụ thể hóa, triển khai của các cơ quan Trung ương

a. Việc cập nhật, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi.

- Số lượng nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Trung ương:

+ Đánh giá theo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Chương trình, Kế hoạch hành động, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

+ Số nhiệm vụ thường xuyên đã triển khai, có kết quả 1 phần; số nhiệm vụ (không gồm nhiệm vụ thường xuyên) đã hoàn thành, trong đó số hoàn thành đúng hạn; số hoàn thành không đúng hạn.

b. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương, đơn vị cấp dưới

Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

1.2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

1.2.1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy

a. Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc, cập nhật các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo.

- Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi quy chế làm việc khi có các chủ trương mới của Trung ương.

- Việc cập nhật, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo mới của Trung ương.

Nêu số cuộc họp có nội dung liên quan; số lượng văn bản cấp ủy đã ban hành, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi đối với cấp ủy.

Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.

b. Việc triển khai thực hiện và chỉ đạo cấp dưới thực hiện các văn bản chỉ đạo mới của Trung ương và công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao của cấp ủy. Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.

1.2.2. Việc cụ thể hóa, triển khai của HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp dưới

a. Việc cập nhật, tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu được giao

- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã cập nhật, sửa đổi.
- Số lượng nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Trung ương:

+ Đánh giá theo từng nội dung, chỉ tiêu cụ thể của các Chương trình, Kế hoạch hành động, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

+ Số nhiệm vụ thường xuyên đã triển khai, có kết quả 1 phần; số nhiệm vụ (không gồm nhiệm vụ thường xuyên) đã hoàn thành, trong đó số hoàn thành đúng hạn; số hoàn thành không đúng hạn.

- Số lượng, nội dung chỉ đạo của Trung ương chưa được cập nhật, thể chế hóa.
 - Kết quả đạt được (tóm tắt những kết quả nổi bật).
- b. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các địa phương, đơn vị cấp dưới*
- Số lượng văn bản, khái quát nội dung đã chỉ đạo cấp dưới cập nhật, sửa đổi.
 - Việc ban hành, thực hiện kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, từng cấp lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao và kết quả chỉ đạo, kết quả công tác là căn cứ đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, đơn vị.

2. Hạn chế, khuyết điểm

2.1. Đối với các đảng ủy các cơ quan Trung ương

2.2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

3. Nguyên nhân

3.1. Từ phía các cơ quan Trung ương

3.2. Từ phía các địa phương

III. Về kết quả giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các tổ chức đảng

1. Kiến nghị, đề xuất kèm theo Thông báo Kết luận số 148-KL/TW, ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

a. Kiến nghị, đề xuất đối với cấp trên

- Số lượng/tổng số, nội dung chưa được cấp trên giải quyết.
- Số lượng, nội dung đã trả lời nhưng chưa rõ, cần có văn bản giải thích thêm.
- Kết quả triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc sau khi cấp trên có văn bản giải quyết.

b. Việc xem xét, giải quyết, tham mưu cấp trên giải quyết kiến nghị, đề xuất của các địa phương, đơn vị cấp dưới (nội dung này dành cho các cơ quan Trung ương)

- Số lượng đã giải quyết/tổng số được giao giải quyết; nội dung chưa giải quyết, lý do, khó khăn, vướng mắc.

- Số lượng, nội dung đã trả lời nhưng địa phương, đơn vị cấp dưới chưa rõ, cần có văn bản giải thích thêm, lý do, khó khăn, vướng mắc.

2. Kiến nghị, đề xuất khác

Kết quả giải quyết các kiến nghị, đề xuất khác đối với cấp trên phát sinh trong quá trình thực hiện:

- Số lượng/tổng số, nội dung chưa được giải quyết.

- Số lượng, nội dung đã trả lời nhưng chưa rõ, cần có văn bản giải thích thêm.

- Kết quả triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc sau khi cấp trên có văn bản giải quyết.

*** LƯU Ý ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG NÊU TRÊN:**

- Báo cáo đầy đủ tại báo cáo đầu tiên; các báo cáo tiếp theo chỉ nêu sự thay đổi theo từng tháng, từng quý; báo cáo kết quả đầy đủ tại báo cáo năm.

- Đánh giá cụ thể đối với từng nội dung trên như sau:

+ Việc ban hành và điều chỉnh Chương trình hành động, Chương trình/Kế hoạch công tác năm 2025 của cấp ủy để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, phù hợp với tình hình, thực tiễn, tiềm năng, đặc điểm của địa phương, đơn vị (bao gồm cả việc điều chỉnh do thực hiện chủ trương sắp xếp, sát nhập).

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do; trách nhiệm của tập thể, cá nhân; biện pháp xử lý.

+ Những nội dung Chương trình hành động không đảm bảo 6 rõ: Rõ mục tiêu; rõ nhiệm vụ (tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong năm 2025 để đạt mục tiêu); rõ trách nhiệm người phụ trách, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp; rõ thời hạn hoàn thành; rõ nguồn lực triển khai; rõ kết quả/sản phẩm.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đánh giá chung

- Ưu điểm của các cơ quan Trung ương, các địa phương; kết quả chuyển biến về nhận thức, giải pháp, kết quả thực hiện sau từng tháng, quý.

- Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân.

II. Kiến nghị, đề xuất

Nêu rõ những khó khăn, vướng mắc cần kiến nghị, đề xuất cấp trên giải quyết (ngắn gọn, cụ thể, rõ nội dung, rõ thẩm quyền cơ quan chủ trì giải quyết, thời hạn đề nghị cấp trên trả lời).

PHỤ LỤC SỐ 01.VB

Kết quả ban hành văn bản triển khai các chủ trương của Trung ương

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 01.TW
Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế
(áp dụng cho khối doanh nghiệp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đề ra	Kết quả thực hiện tháng.../ quý...	Đánh giá (% so với kế hoạch đề ra)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động					
1	Huy động vốn					
2	Tổng dư nợ tín dụng					
3	Tổng doanh thu hợp nhất					
4	Lợi nhuận trước thuế					
5	Tổng nộp ngân sách					
II	Nguồn vốn					
1	Vốn chủ sở hữu					
2	Vốn điều lệ					
III	Tài sản và các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tài sản					
1	Tổng tài sản					
2	Nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng (%)					
IV	Chỉ tiêu khác					
1	Tổng số lao động					
2	Thu nhập bình quân					

Ghi chú: Các Mục 1,2 Phần I và Mục 2 Phần II chỉ áp dụng cho các ngân hàng; Mục 3 Phần I chỉ áp dụng cho các tập đoàn/tổng công ty.

PHỤ LỤC SỐ 01.ĐP

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội (kèm theo Đề cương hướng dẫn giám sát thường xuyên)

T T	Kết quả một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội (báo cáo theo Quý)	Đơn vị tính	Kế hoạch	Kết quả Tháng .../Quý ...	Đánh giá (%) so với Kế hoạch	Ghi chú
1.	Quy mô GRDP	Tỷ đồng				
2.	Tốc độ tăng trưởng	Triệu đồng				
	Khu Vực I: Nông Lâm nghiệp, Thủy sản					
3.	Nông nghiệp	%				
4.	Lâm Nghiệp	%				
5.	Thủy sản	%				
	Khu Vực II: Công nghiệp, xây dựng					
6.	- Công nghiệp khai khoáng	%				
7.	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%				
8.	- Công nghiệp SX và PP điện	%				
9.	- Công nghiệp nước, HĐQL rác thải	%				
10.	- Xây dựng cơ bản	%				
	Khu Vực III: Dịch vụ					
11.	- Bán buôn, bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy...	%				
12.	- Vận Tải Kho Bãi	%				
13.	- Dịch Vụ lưu trú và ăn uống	%				
14.	- Nghệ thuật vui chơi giải trí	%				
15.	- Dịch vụ khác	%				
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	%				
16.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng				
17.	Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng				
18.	Vốn ngoài nhà nước	Tỷ đồng				
19.	Vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng				
20.	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng				
21.	Chi ngân sách nhà nước	Tỷ đồng				
22.	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
23.	Chi thường xuyên	Tỷ đồng				
24.	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%				
25.	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%				
26.	Xuất nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD				
27.	Xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD				
28.	Nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD				
29.	Tốc độ tăng tổng điện năng trên địa bàn	%				

T T	Kết quả một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội (báo cáo theo Quý)	Đơn vị tính	Kế hoạch	Kết quả Tháng .../Quý ...	Đánh giá (% so với Kế hoạch	Ghi chú
30.	Khách du lịch	Triệu lượt khách				
31.	Khách quốc tế	Triệu lượt khách				
32.	Khách nội địa	Triệu lượt khách				

PHỤ LỤC SỐ 02

Kết quả thực hiện các chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản theo Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025

(kèm theo Đề cương hướng dẫn giám sát thường xuyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra ¹	Kết quả thực hiện ² tháng.../quý...	Đánh giá (% so với Kế hoạch)	Ghi chú
Nhóm I. Hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao công tác tổ chức thi hành pháp luật					
1	Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật				
2	Đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”; chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát				
3	Xây dựng, ban hành Nghị quyết của Quốc hội quy định một số nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức các cơ quan				
4	Sửa đổi các luật ³ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn				
5	Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số				
6	Xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế khuyến khích cho những vấn đề mới, dự án công nghệ cao, dự án lớn, xu hướng mới, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn				
7	Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển nhanh, lành mạnh, hiệu quả các loại thị trường				
8	Mở rộng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, thí điểm được Quốc hội cho phép áp dụng				
9	Xây dựng chính sách đặc thù phát triển các khu kinh tế có tiềm năng lớn theo các nghị quyết của Bộ Chính trị				
10	Hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền				
11	Ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh, quy định pháp luật cụ thể, minh bạch khắc phục, xử lý tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ, tạo không gian sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi				
12	Tăng cường kiểm tra, đôn đốc để giám sát thường xuyên, kịp thời uốn nắn, khắc phục, chấn chỉnh các vi phạm, khuyết điểm, không dám chịu trách nhiệm				
Nhóm II. Hoàn thành các dự án hạ tầng giao thông và các chương trình quốc gia					

¹ Thực trạng triển khai được xác định tại thời điểm đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu/đề nghị của Nhóm/Cán bộ giám sát. Nếu không thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thì ghi rõ: Không phù hợp với đơn vị.

² Nhóm/Cán bộ giám sát cần chỉ rõ văn bản (ví dụ: Kế hoạch số 05-KH/TU, ngày 23/3/2025...) hoặc số liệu cụ thể để minh chứng cho nội dung thực trạng triển khai.

³ Bao gồm: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra ¹	Kết quả thực hiện ² tháng... /quý...	Đánh giá (% so với Kế hoạch)	Ghi chú
13	Hoàn thành Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, các cảng khu vực Lạch Huyện, đưa vào khai thác nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài; khởi công xây dựng bến cảng Liên Chiểu; đẩy nhanh thủ tục đầu tư các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia				
14	Bổ sung hơn 84 nghìn tỉ đồng vốn đầu tư công trong năm 2025				
15	Triệt để tiết kiệm chi; tận dụng dư địa về nợ công, bội chi ngân sách nhà nước để huy động, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển				
16	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
17	Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm 2025				
18	Bổ sung, áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt cho các dự án quy mô lớn, trọng điểm				
Nhóm III. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh					
19	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, các khó khăn vướng mắc; khuyến khích đầu tư từ mọi thành phần kinh tế				
20	Sửa Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư				
21	Xây dựng cơ chế ưu tiên hình thành, phát triển lực lượng sản xuất mới; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp dân tộc, quy mô lớn				
22	Nâng cao vai trò của doanh nghiệp nhà nước để đầu tư các dự án lớn, trọng tâm, trọng điểm				
23	Gắn kết chặt chẽ các khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI				
24	Cắt bỏ cơ chế “xin – cho”, đầu tư công dân trái				
25	Tháo gỡ các điểm nghẽn với thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường trái phiếu doanh nghiệp				
26	Đảm bảo các tiêu chí, điều kiện để nâng hạng thị trường chứng khoán vào năm 2025				
27	Có cơ chế khai thác hiệu quả các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế				
28	Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, đảm bảo đúng, trúng mục tiêu, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng truyền thống				
29	Làm việc với từng nhà đầu tư chiến lược để thu hút các dự án FDI lớn, công nghệ cao; triển khai hiệu quả cơ chế “luồng xanh” cho các dự án đầu tư vào KCN, khu kinh tế trong lĩnh vực công nghệ cao				
30	Triển khai hiệu quả quy định về phân cấp, phân quyền triệt để cho các địa phương về chấp thuận đầu tư hạ tầng các KCN mới				
31	Có các giải pháp xử lý các dự án đang vướng mắc				
32	Xây dựng cơ chế đặc thù tập trung tháo gỡ cho các dự án tại các tỉnh, thành phố lớn trong năm 2025				

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra ¹	Kết quả thực hiện ² tháng.../quý...	Đánh giá (% so với Kế hoạch)	Ghi chú
33	Thực hiện hiệu quả các quy hoạch đã phê duyệt; bảo đảm đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng chiến lược và khai thác các hành lang phát triển mới				
34	Hoàn thành thủ tục đầu tư cảng biển quốc tế Cần Giờ				
35	Thúc đẩy các dự án điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi				
36	Đẩy nhanh sửa đổi và triển khai hiệu quả quy hoạch điện VIII				
37	Phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ đầu tư				
38	Xây dựng, triển khai hiệu quả Đề án về cơ chế, chính sách hình thành và phát triển doanh nghiệp dân tộc giữ vai trò tiên phong dẫn dắt; đề án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa				
39	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên, phát triển bền vững...				
Nhóm IV. Xây dựng cơ chế, chính sách về thuế, tín dụng; đẩy mạnh kết nối, xúc tiến thương mại					
40	Xây dựng cơ chế, chính sách và thực hiện chính sách về thuế, tín dụng để hỗ trợ tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng, du lịch nội địa				
41	Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại thị trường trong nước				
42	Thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, phát triển thương mại điện tử				
43	Phát triển ngành vận tải hàng không và tạo điều kiện hơn nữa để thu hút khách du lịch nước ngoài; xem xét, quyết định giải pháp đơn phương miễn thị thực nhập cảnh có thời hạn cho công dân một số nước châu Âu, Trung Đông mang hộ chiếu phổ thông; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch; nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch				
44	Triển khai các giải pháp toàn diện, đồng bộ về chính trị, kinh tế, ngoại giao; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, thúc đẩy thương mại hài hòa, bền vững với Mỹ, Trung Quốc và các đối tác lớn				
45	Khai thác hiệu quả cơ hội từ 17 FTA đã ký kết				
46	Mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu (nhất là các quốc gia mới nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện); nhanh chóng kết thúc đàm phán hiệp định thương mại tự do với một số quốc gia ⁴				
47	Hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu; thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp trong các vụ kiện chống bán phá giá				
48	Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu				
49	Đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ; thúc đẩy phát triển logistics, vận tải				

⁴ Bao gồm: các nước Trung Đông, Thụy Sĩ, Na Uy, Phần Lan...

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra ¹	Kết quả thực hiện ² tháng... /quý...	Đánh giá (% so với Kế hoạch)	Ghi chú
50	Tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ, ký kết các hiệp định kinh tế số với các nước trong khu vực và trên thế giới				
Nhóm V. Phát triển lực lượng sản xuất mới, tiên tiến, đột phá trong khoa học, công nghệ					
51	Thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, phát triển lực lượng sản xuất mới, tiên tiến				
52	Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực mới nổi ⁵				
53	Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để khai thác không gian vũ trụ, không gian biển, không gian ngầm				
54	Có giải pháp phát huy hiệu quả các quỹ KHCN, khuyến khích hình thành các quỹ ⁶				
55	Xây dựng cơ chế, chính sách áp dụng mô hình “đầu tư công – quản trị tư”, “đầu tư tư – sử dụng công”, bảo đảm quyền chủ động của nhà khoa học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ				
56	Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là những ngành ưu tiên, mới nổi ⁷				
57	Đổi mới cơ chế quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính cho giáo dục, đào tạo				
58	Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư nguồn lực, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao				
59	Triển khai hiệu quả Đề án Trung tâm tài chính quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng; xây dựng khu thương mại tự do, khu kinh tế biên giới tại một số địa phương trọng điểm về kinh tế				
60	Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế gắn với thúc đẩy thương mại, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài				
61	Tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia, nhất là các chuyên gia giỏi người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài làm việc và phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo cho Việt Nam				
62	Đẩy mạnh thương mại hóa 5G, nghiên cứu công nghệ 6G, phát triển vệ tinh viễn thông và nâng cấp hạ tầng trục viễn thông quốc gia				
63	Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành				
64	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp thúc đẩy sự hình thành, hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, tạo thêm nhiều “việc làm số”				
65	Tận dụng hiệu quả các cơ hội thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại trên cơ sở củng cố, phát huy vị thế của Việt				

⁵ Gồm: AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, quang điện tử, công nghiệp Internet, Internet vạn vật, công nghiệp y sinh học, năng lượng mới, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí...

⁶ Bao gồm: quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ thiên thần, quỹ khởi nghiệp, quỹ đổi mới sáng tạo....

⁷ Bao gồm: trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, năng lượng nguyên tử, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, xây dựng và vận hành đường sắt tốc độ cao...

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra ¹	Kết quả thực hiện ² tháng.../quý...	Đánh giá (% so với Kế hoạch)	Ghi chú
	Nam trên bản đồ công nghiệp bán dẫn, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu				
66	Bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai ngay Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn.				
67	Xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới được Quốc hội cho phép áp dụng				
68	Ban hành, triển khai hiệu quả hành lang pháp lý cho doanh nghiệp để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thị trường công nghệ				

PHỤ LỤC SỐ 02.TW

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, CÁC CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐỂ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 123-KL/TW NGÀY 24/01/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Chí chú
I	2	3	4	5	6	7	8
1	Chính phủ						
I.	Giao các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực được phân công trực tiếp chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 01/3/2025; kịp thời xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền	Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 01/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên			Theo nhiệm vụ được giao cho các Bộ	Theo thời gian hoàn thành giao cho các Bộ	
1	Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Nội vụ				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Thanh tra Chính phủ				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Văn phòng Chính phủ				
2	Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Xây dựng				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				
3	Phó Thủ tướng Lê Thanh Long	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Tư pháp				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Giáo dục và Đào tạo				
4	Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Y tế				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Tài chính				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Ngân hàng Nhà nước VN				
5	Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Ngoại giao				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Công Thương				
6	Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Khoa học và Công nghệ				
		Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Dân tộc và Tôn giáo				
7	Phó Thủ tướng Mai Văn Chính	Chỉ thị số 05/CT-TTg	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch				
II	Giao các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực được phân công trực tiếp chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị này; kịp thời xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền	Chỉ thị số 06/CT-TTg, ngày 10/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo			Theo nhiệm vụ được giao cho các Bộ	Theo thời gian hoàn thành giao cho các Bộ	
1	Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình	Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Nội vụ				
2	Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà	Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				
3	Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc	Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Tài chính				
		Chỉ thị số 06/CT-TTg	Ngân hàng Nhà nước VN				
4	Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn	Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Ngoại giao				
		Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Công Thương				
5	Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng	Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Khoa học và Công nghệ				

TT		Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Phó Thủ tướng Mai Văn Chính		Chỉ thị số 06/CT-TTg	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch				
III	Giao Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc chỉ đạo trực tiếp việc thực hiện Chỉ thị này		Chỉ thị số 08/CT-TTg, ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế			Theo nhiệm vụ được giao thành giao cho các Bộ	Theo thời gian hoàn thành giao cho các Bộ	
			Chỉ thị số 08/CT-TTg	Bộ Tài chính				
			Chỉ thị số 08/CT-TTg	Bộ Tư pháp				
			Chỉ thị số 08/CT-TTg	Thanh tra				
			Chỉ thị số 08/CT-TTg	Chính phủ				
IV	Phân công Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc trực tiếp chỉ đạo; các Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực được phân công phụ trách tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, cơ quan đại diện chủ sở hữu kiến trúc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những trường hợp vượt thẩm quyền		Chỉ thị số 09/CT-TTg, ngày 21/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp của doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng trưởng kinh tế hai con số, phát triển đất nước nhanh và bền vững			Theo nhiệm vụ được giao thành giao cho các Bộ	Theo thời gian hoàn thành giao cho các Bộ	
		1	Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình	Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Nội vụ			
			Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Xây dựng				
		2	Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà	Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Nông nghiệp và Môi trường			
			Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Tài chính				
3	Phó Thủ tướng Hồ Đức Phúc		Chỉ thị số 09/CT-TTg	Ngân hàng Nhà nước VN				
4	Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn		Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Ngoại giao				
5	Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng		Chỉ thị số 09/CT-TTg	Bộ Công Thương				
2	Văn phòng Chính phủ							
1	Xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể để triển khai tổ chức thực hiện		Văn phòng Chính phủ	Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành.		Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên cổng Dịch vụ công quốc gia.					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
6	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
7	Tỷ lệ nhiệm vụ chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên dữ liệu số					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
8	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương					Chờ báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
9	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử theo quy định: ban hành quy chế khai thác, sử dụng, kết nối, tích hợp, chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.					Chờ báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
10	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy).					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
11	Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của các bộ, ngành, địa phương theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia.					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
12	Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống.					Theo báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương	
13	Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình cắt giảm giấy phép tại bộ, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030						
14	Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính				Tháng 6		
15	Nghị quyết về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026				Tháng 6	Đã ban hành: NQ số 66/NQ-CP, ngày 26/3/2025	
3 Bộ Tài chính							
1	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất... để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch, tiêu dùng trong nước trong năm 2025, báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 15 tháng 3 năm 2025.	Giao mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025 cụ thể cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ giao cho Bộ, cơ quan, địa phương	Bộ Tài chính	Bộ, ngành địa phương		Thường xuyên	CT05
2	Nghiên cứu phương án sử dụng dự địa bội chi ngân sách nhà nước, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài để bổ sung nguồn lực đầu tư, có giải pháp đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm.	Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù, quy định mới, đột phá, cơ chế “luồng xanh” cho các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế trong lĩnh vực công nghệ cao. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng ngay việc phân loại dự án xanh, tiêu chí xanh để làm cơ sở huy động vốn phát triển xanh.	Bộ Tài chính	Bộ, ngành địa phương		Thường xuyên	CT05
3	Khẩn trương nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách phát triển đột phá khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng lộ trình báo cáo các cấp (Chính phủ trong tháng 3, Trung ương trong tháng 4 và Quốc hội trong tháng 5 năm 2025); phân công đồng chí Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng phụ trách chỉ đạo nhiệm vụ này. Xác định quan điểm kinh tế tư nhân phải là một trong những động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.	Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất nguyên vật liệu và tham gia các dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị, đường sắt kết nối với quốc tế, dự án năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi... và hướng dẫn, hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.	Bộ Tài chính			Thường xuyên	CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4	Tăng cường quản lý thu, nhất là thu từ hoạt động thương mại điện tử, dịch vụ ăn uống, phải hoàn thành số hóa chậm nhất trong Quý II năm 2025; phân đầu thu ngân sách nhà nước năm 2025 ở mức cao nhất theo chỉ đạo của Chính phủ; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung cho đầu tư phát triển, tiết kiệm ngày 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 để bổ sung đầu tư cho tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.		Bộ Tài chính			Thường xuyên	CT05
5	Chủ trì, phối hợp với các địa phương, khẩn trương tổng kết, đánh giá, trình cấp có thẩm quyền xem xét mở rộng phạm vi, đối tượng, địa bàn áp dụng một số cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại các địa phương và đã phát huy hiệu quả.		Bộ Tài chính				CT05
6	Rà soát tổng thể về điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện hành nghề, thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp; rà soát, bổ sung và triển khai quyết liệt Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm rõ mục tiêu, rõ người, rõ việc, rõ thời gian và rõ kết quả.		Bộ Tài chính				CT05
7	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp phát triển đồng bộ thị trường tài chính, thị trường vốn, nhất là các giải pháp về phát hành trái phiếu doanh nghiệp an toàn, hiệu quả, bền vững, công khai, minh bạch, hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp huy động vốn trung, dài hạn phát triển sản xuất, kinh doanh. Năm 2025, phân đầu hoàn thành mục tiêu năng hàng thị trường chứng khoán.		Bộ Tài chính				CT05
8	Bộ Tài chính chủ trì, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất, trình Chính phủ ngay trong tháng 3 năm 2025 về khung pháp lý quản lý, thực đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả.		Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà			CT05
9	Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư, tiếp tục nhân rộng cơ chế Tổ công tác làm việc với từng nhà đầu tư chiến lược để thu hút các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ cao.		Bộ Tài chính				CT05
10	Triển khai hiệu quả Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 về quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, góp phần ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trong một số lĩnh vực công nghệ cao, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn...		Bộ Tài chính				CT05
11	Đề xuất, trình Chính phủ ngay trong tháng 3 năm 2025 về khung pháp lý quản lý, thực đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả.		Ngân hàng Nhà nước	Bộ Tài chính	Tờ trình Chính phủ	31/3/2025	CT05
12	Khởi công xây dựng bến cảng Liên Chiểu,		TP. Đà Nẵng	Bộ Xây dựng, Bộ Tài	Khởi công	31/12/2025	CT05
13	Hoàn thành các thủ tục đầu tư cảng biển quốc tế Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.		TP. Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài	Ra quyết định đầu tư	31/12/2025	CT05
14	Bảo đảm tổng số dự án nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 -2030 không quá 3000 dự án trên phạm vi cả nước.		Bộ Tài chính	Các bộ ngành, địa			CT05
15	Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách về thuế, tín dụng để hỗ trợ tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng, du lịch nội địa; triển khai các giải pháp đồng bộ để khai thác xu hướng tiêu dùng, du lịch trong nước dịp lễ, tết		Bộ, ngành, địa phương				CT05
16	Tăng cường quản lý hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới; thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ, đặc biệt tài chính - ngân hàng, phát triển logistics, mở rộng vận tải hàng không, đường biển; tăng cường hội nhập quốc tế về dịch vụ và ký kết các hiệp định kinh tế số.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
17	Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể trong tháng 3 năm 2025 và tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội		Bộ, ngành, địa phương		Ban hành Chương trình	31/3/2025	CT05
18	Thực đẩy chuyển đổi số quốc gia sâu rộng, toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo; nền kinh tế số rộng khắp, bảo đảm an ninh, an toàn mạng		Bộ, ngành, địa phương				CT05
19	Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06; đẩy nhanh việc chia sẻ dữ liệu, nhất là dữ liệu về dân cư, tư pháp, giáo dục, ngân hàng, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, phưong tiện.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
20	Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, năng lượng mới, y sinh học, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
21	Thực đẩy các mô hình kinh doanh mới, ưu tiên tập trung vào một số ngành: bán buôn, bán lẻ, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, logistics		Bộ, ngành, địa phương				CT05
22	Tập trung triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các chính sách thí điểm mới, đột phá về đầu tư, tài chính, đầu thầu, thứ nghiệm có kiểm soát		Bộ, ngành, địa phương				CT05
23	Khuyến khích và phát huy hiệu quả các quỹ khoa học công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo		Bộ, ngành, địa phương				CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
24	Áp dụng mô hình “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”, “lãnh đạo công - quản trị tư”		Bộ, ngành, địa phương				CT05
25	Bảo đảm sự chủ động, sáng tạo của các nhà khoa học		Bộ, ngành, địa phương				CT05
26	Tập trung triển khai hiệu quả các quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch đã ban hành		Bộ, ngành, địa phương				CT05
27	Phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với các trung tâm mới như sân bay Long Thành, trung tâm tài chính quốc tế		Bộ, ngành, địa phương				CT05
28	Chú trọng để xuất các giải pháp phát triển các ngành bán dẫn, chip...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
29	Chú trọng, linh hoạt thực hiện các giải pháp đồng bộ phát triển văn hóa, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững		Bộ, ngành, địa phương				CT05
30	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất... để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch, tiêu dùng trong nước trong năm 2025; báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 15 tháng 3 năm 2025.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
31	Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chỉ thị này, báo cáo Chính phủ tại Phiên họp thường kỳ hằng tháng.		Bộ Tài chính	Các bộ ngành, địa			CT05
32	Khẩn trương báo cáo Chính phủ phương án tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp - Luật số 69/2014/QH13); trong đó lưu ý về vấn đề phân cấp phân quyền, công tác cán bộ, chính sách tiền lương, tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp... theo tinh thần là xem xét, đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, chấp nhân rủi ro; giao mục tiêu, không cầm tay chỉ việc, tạo thuận lợi để doanh nghiệp phát huy trí tuệ, năng động, tạo không gian cho doanh nghiệp sáng tạo và chịu trách nhiệm trước pháp luật; trường hợp sai phạm thì xử lý theo quy định pháp luật; trên cơ sở đó, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Kinh tế - Tài chính của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội thông qua tại kỳ họp Quốc hội khóa XV.		Bộ Tài chính				CT06
33	Xây dựng dự án Luật Tiết kiệm, chống lãng phí để trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2025) để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí nhưng không làm mất đi động lực phấn đấu của bộ phận cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi.		Bộ Tài chính				CT08
34	Khẩn trương tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành để hoàn thiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 3 năm 2025.		Bộ Tài chính				CT08
35	Xác định phòng, chống lãng phí là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi sự tham gia, đóng góp một cách có trách nhiệm của tất cả các bộ, ngành, địa phương.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
36	Công tác phòng, chống lãng phí phải được thể hiện rõ nét qua những cam kết, kế hoạch, có tiến độ, có chỉ tiêu cụ thể, tập trung giải quyết triệt để các nguyên nhân dẫn đến lãng phí và phải được tiến hành thường xuyên. Kế hoạch thực hiện phải đảm bảo 5 (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả).		Bộ, ngành, địa phương				CT08
37	Gián kết các kết quả từ công tác phòng, chống lãng phí với việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên năm 2025 và tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030; xác định kết quả thu được từ công tác phòng, chống lãng phí là nguồn lực quan trọng, góp phần thúc đẩy các động lực tăng trưởng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bên cạnh các động lực tăng trưởng truyền thống khác.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
38	Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác phòng, chống lãng phí.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
39	Tích cực thông tin, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
40	Quán triệt thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách triệt để, giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
41	Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn liền với tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc trong giải quyết thủ tục hành chính để giảm tải các trung gian, chấm dứt tình trạng kéo dài thời gian giải quyết qua nhiều cơ quan, đơn vị.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
42	Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai, minh bạch, đầy đủ thủ tục hành chính, số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
43	Đẩy nhanh triển khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông, ưu tiên rà soát tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia		Bộ, ngành, địa phương				CT08
44	Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính theo quy định		Bộ, ngành, địa phương				CT08
45	100% hồ sơ thủ tục hành chính phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia		Bộ, ngành, địa phương				CT08

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
46	Thực hiện quản trị thông minh và chuyển đổi số là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giúp minh bạch hóa thông tin, giảm thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, đồng thời là công cụ hữu hiệu trong phòng, chống lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
47	Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào công tác quản lý, giám sát, đồng thời, đồng bộ hóa hạ tầng số, liên thông hệ thống dữ liệu giữa các cơ quan để tránh tình trạng mỗi đơn vị vận hành một hệ thống riêng lẻ, dẫn đến phân mảnh dữ liệu, gây khó khăn trong quản lý và khai thác thông tin.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
48	Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, xây dựng quy trình xử lý liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo các vụ việc lắng phí, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
49	Cần có cơ chế giám sát chặt chẽ giữa các cấp chính quyền để tránh tình trạng lợi ích nhóm, bao che sai phạm, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước.		Bộ, ngành, địa phương				CT08
50	Khẩn trương bảo cáo Chính phủ phương án tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp - Luật số 69/2014/QH13), trong đó lưu ý về vấn đề phân cấp phân quyền, công tác cán bộ, chính sách tiền lương, tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp... theo tinh thần là xem xét, đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, chấp nhận rủi ro; giao mục tiêu, không cầm tay chỉ việc, tạo thuận lợi để doanh nghiệp phát huy trí tuệ, năng động, tạo không gian cho doanh nghiệp sáng tạo và chịu trách nhiệm trước pháp luật; trường hợp sai phạm thì xử lý theo quy định pháp luật; trên cơ sở đó, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Kinh tế - Tài chính của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội thông qua tại kỳ họp Quốc hội khóa XV.		Bộ Tài chính				CT09
51	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng.		Bộ Tài chính				Nghi quyết 25
52	I. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao chủ trì theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết này; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau đây:			Bộ ngành, địa			Nghi quyết 25
	a) Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; có tư duy đổi mới, đột phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng ngành, lĩnh vực và tăng trưởng GRDP của địa phương tại Phụ lục I và Phụ lục II của Nghị quyết này.						Nghi quyết 25
	b) Khẩn trương xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hằng tháng, hằng quý, đối với chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê, trên cơ sở số liệu GRDP năm 2024 đã công bố, rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP theo ngành cấp 01 và 03 Khu vực kinh tế và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Các bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kịch bản tăng trưởng trong tháng 02 năm 2025 để tổng hợp, theo dõi.						Nghi quyết 25
	c) Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo thẩm quyền và nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong trường hợp vượt thẩm quyền, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.						Nghi quyết 25

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Chí chú
4	Bộ Xây dựng						
I	Nghị quyết số 25/NQ-CP, ngày 05/02/2025 về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên						
1	Khẩn trương xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hằng tháng, hằng quý; đối với chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê, trên cơ sở số liệu GRDP năm 2024 đã công bố, rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP theo ngành cấp 01 và 03 khu vực kinh tế và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Các bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kịch bản tăng trưởng trong tháng 02 năm 2025 để tổng hợp, theo dõi.		Bộ Xây dựng				
2	Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo thẩm quyền và nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong trường hợp vượt thẩm quyền, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.		Bộ Xây dựng				
3	Bảo cáo đánh giá tình hình thực hiện hằng tháng, hằng quý, cập nhật kịch bản tăng trưởng (nếu có) và kiến nghị, đề xuất giải pháp để đạt được mục tiêu tăng trưởng, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 hằng tháng.		Bộ Xây dựng				
II	Chỉ thị số 06/CT-TTg, ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo						
1	Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung giải quyết hiệu quả các chương trình, dự án còn khó khăn, vướng mắc với các đối tác, nhất là các chương trình, dự án lớn phía đối tác đang đặc biệt quan tâm và phù hợp với nhu cầu của Việt Nam; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp nước ngoài mở rộng đầu tư, chuyển dịch và duy trì chuỗi cung ứng tại Việt Nam, thúc đẩy sự tham gia ngày càng sâu của các doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.		Bộ Xây dựng				
2	Chủ động tập trung quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để khẩn trương tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm các nhiệm vụ nêu tại Chỉ thị này trên tinh thần 5 rõ “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả” để đạt được mục tiêu đề ra; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.		Bộ Xây dựng				
3	Thường xuyên chủ động, phối hợp chặt chẽ, theo dõi sát diễn biến, tình hình thế giới, khu vực và trong nước, các đối tác, đối tượng, phân tích, dự báo, xây dựng các kịch bản, phương án ứng phó theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền đề xuất giải pháp với Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ để kịp thời xử lý.		Bộ Xây dựng				
4	Phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 25/NQ-CP của Chính phủ, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tăng trưởng kinh tế năm 2025.		Bộ Xây dựng				
III	Chỉ thị số 08/CT-TTg, ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế						
1	Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 và Pháp lệnh Chỉ phi tố tụng năm 2024.		Bộ Xây dựng				
2	Rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước; tập trung vào những lĩnh vực để phát sinh lãng phí như: quản lý ngân sách nhà nước, tài sản công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; xây dựng, đất đai, tài nguyên (bao gồm cả tài nguyên tái tạo), khoáng sản, năng lượng; tín dụng, ngân hàng; tổ chức bộ máy, quản lý nguồn nhân lực...		Bộ Xây dựng				
3	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để giảm thiểu lãng phí. Rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo...		Bộ Xây dựng				
4	Rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước; tập trung vào những lĩnh vực để phát sinh lãng phí như: quản lý ngân sách nhà nước, tài sản công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; xây dựng, đất đai, tài nguyên (bao gồm cả tài nguyên tái tạo), khoáng sản, năng lượng; tín dụng, ngân hàng; tổ chức bộ máy, quản lý nguồn nhân lực...		Bộ Xây dựng				
5	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để giảm thiểu lãng phí. Rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo...		Bộ Xây dựng				
	Rà soát các dự án lãng phí, kéo dài và đề xuất cơ chế, chính sách xử lý phù hợp, kịp thời, hiệu quả:						

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Khẩn trương cấp nhất, bổ sung đầy đủ các nội dung, thông tin báo cáo theo yêu cầu tại Công điện số 112/CD-TTg ngày 06/11/2024, Công điện số 13/CD-TTg ngày 08/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát theo công văn số 2172/BKHĐT-PTHTĐT ngày 26/02/2025, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.		Bộ Xây dựng			trước ngày 25/3/2025	
7	Rà soát, sửa đổi các thủ tục hành chính tương rà, gây ách tắc; lắng nghe nguồn lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền doanh nghiệp.						
	a) Quản triệt thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách triệt để, giảm tối đa thủ tục hành chính, chỉ phí tuần thủ của người dân, doanh nghiệp.						
	b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn liền với tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc trong giải quyết thủ tục hành chính để giảm đáng kể trung gian, chậm dứt tình trạng kéo dài thời gian giải quyết qua nhiều cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai, minh bạch, đầy đủ thủ tục hành chính, số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.		Bộ Xây dựng				
	c) Đẩy nhanh triển khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông, ưu tiên rà soát tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; thực hiện nghiêm việc công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính theo quy định; 100% hồ sơ thủ tục hành chính phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh triển khai Đề án 06 ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương.						
	Thực hiện quản trị thông minh và chuyển đổi số ở tất cả các cấp, các ngành						
8	a) Thực hiện quản trị thông minh và chuyển đổi số là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giúp minh bạch hóa thông tin, giảm thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, đồng thời là công cụ hữu hiệu trong phòng, chống lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành.		Bộ Xây dựng				
	b) Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào công tác quản lý, giám sát; đồng thời, đồng bộ hóa hệ thống dữ liệu giữa các cơ quan để tránh tình trạng mỗi đơn vị vận hành một hệ thống riêng lẻ, dẫn đến phân mảnh dữ liệu, gây khó khăn trong quản lý và khai thác thông tin.						
	Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong công tác phòng, chống lãng phí						
9	a) Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, xây dựng quy trình xử lý liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo các vụ việc lãng phí, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời. Đồng thời, cần có cơ chế giám sát chặt chẽ giữa các cấp chính quyền để tránh tình trạng lợi ích nhóm, bao che sai phạm, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước.		Bộ Xây dựng				
	b) Các cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan điều tra phải phối hợp chặt chẽ, chủ động vào cuộc ngay khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, không để kéo dài, gây lãng phí, bức xúc trong dư luận.						
IV	Chi thị số 09-C/TTg, ngày 21/3/2025 về nhiệm vụ, giải pháp của doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng trưởng kinh tế hai con số, phát triển đất nước nhanh và bền vững		Bộ Xây dựng				
1	Với quan điểm Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, lắng nghe, tiếp thu, kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn theo phản ánh của người dân, doanh nghiệp; các bộ, ngành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công khẩn trương xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ, nhất là về cơ chế, chính sách với tinh thần “ <i>5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả</i> ”		Bộ Xây dựng				
2	Chủ trọng thiết kế, xây dựng, thực hiện các chính sách vĩ mô, giữ vững sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để góp phần thúc đẩy sự phát triển của các DNNN và các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế; đồng thời, phải đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế để hướng tới phát triển nhanh và bền vững.		Bộ Xây dựng				
3	Tập trung thiết kế, sử dụng các công cụ chính sách để huy động tối đa các nguồn lực xã hội, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, huy động mọi nguồn lực của xã hội cho phát triển, đẩy mạnh hợp tác công tư. Nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện quy định về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách mang tính “đón bẫy, điểm tựa” để phát huy tối đa nguồn lực của doanh nghiệp, thúc đẩy DNNN nổi tiếng và khu vực doanh nghiệp nổi chung phát triển, bứt phá.		Bộ Xây dựng				
4	Tiếp tục quản triệt, hoàn thiện các cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025, Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của nước năm 2025 đạt 8% trở lên... Quan tâm công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính để tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp góp phần kiến tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước.		Bộ Xây dựng				

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5	Thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương tình gián, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo yêu cầu đề ra; khẩn trương hoàn thiện thể chế cho hoạt động của bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và chỉ đạo của Trung ương, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp, trong đó có DNNN.		Bộ Xây dựng				
6	Khẩn trương xem xét, xử lý hiệu quả, kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp, thông tin kịp thời kết quả xử lý cho doanh nghiệp:		Bộ Xây dựng			trước ngày 29/3/2025	
	6.1 Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực đường sắt cả cho ĐS TĐC, ĐS Lào Cai - HN - HP và ĐS Đô thị: Dự kiến nhu cầu nhân lực cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì tuyến đường sắt mới là 16.000 lao động với chi phí đào tạo dự kiến 10.000 tỷ đồng. Như vậy rất cần 1 đề án đào tạo nguồn nhân lực để đưa ra quy mô, thời gian, thời lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ, chi phí, chính sách... kịp thời cho việc xây dựng, quản lý, khai thác vận hành, bảo trì.		Bộ Xây dựng			Kiến nghị của Tcty đường sắt Việt Nam	
	6.2 Đề án về phát triển công nghiệp và chuyển giao công nghệ: Dự kiến nhu cầu đóng mới thiết bị phương tiện đầu máy toa xe giai đoạn 2020-2050 cho Đường sắt hiện tại, các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, đường sắt Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng như sau: 261 đầu máy, 1.100 toa xe ĐS TĐC, 1.000 toa xe khách, 7.000 toa xe hàng, 1.500 toa xe đường sắt đô thị...		Bộ Xây dựng			Tcty đường sắt Việt Nam	
	6.3. Sớm phê duyệt quy hoạch chi tiết các cảng hàng không phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, cụ thể là các sân bay Nội Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Quốc....		Bộ Xây dựng			Kiến nghị của Tcty Hàng không Việt Nam	
	6.4. Để thực hiện đầu tư hoàn chỉnh và đồng bộ kết cấu hạ tầng hàng không đồng bộ theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030 đã được Chính phủ phê duyệt, bên cạnh sử dụng vốn đầu tư công, vốn doanh nghiệp nhà nước, ACV kiến nghị Chính phủ có cơ chế, giải pháp nhằm thu hút, kêu gọi nguồn lực từ các nhà đầu tư tham gia cùng với ACV trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.		Bộ Xây dựng				
	6.5. Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt đưa các dự án công trình trong diện về đích đúng kế hoạch, ACV tiếp tục mong nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao từ Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan, kiến nghị các Ủy ban nhân dân tỉnh, địa phương có các dự án đầu tư xây dựng do ACV triển khai thực hiện, hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án.		Bộ Xây dựng				
	6.6. Đối với công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng, kết nối giao thông, đề nghị đẩy mạnh đầu tư và nâng cấp các tuyến đường kết nối với hệ thống cảng và trung tâm logistics lớn song song với thống nhất, đơn giản hóa thủ tục liên quan đến nạo vét và duy tu luồng lạch, khu nước trước cảng (với Tân cảng, đề xuất cụ thể là việc đầu tư đường kết nối phía sau khu bến cảng Lạch Huyện Hải Phòng được kéo dài đến bến số 7 và 8, hiện mới chỉ có quyết định chủ trương đầu tư tuyến đường sau cảng các bến số 3 đến số 6).		Bộ Xây dựng			Kiến nghị của Tcty Tân cảng Sài Gòn	
	6.7. Đẩy nhanh dự án 1 triệu nhà ở xã hội, Chính phủ xem xét giao chỉ định một số DNNN có năng lực tham gia thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ.		Bộ Xây dựng			Kiến nghị của Tcty ĐTPT hạ tầng đô thị UDIC	
	6.8. Đề nghị Chính phủ xem xét, cho phép VATM được giữ lại một phần nguồn thu từ phí điều hành bay qua để tái đầu tư, nâng cấp hệ thống quản lý không lưu.		Bộ Xây dựng				
	6.9. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan xem xét, áp dụng chính sách miễn tiền thuê đất đối với tất cả các công trình phục vụ điều hành bay của VATM, bao gồm cả các công trình nằm ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.		Bộ Xây dựng			Kiến nghị của Tcty Q. lý bay Việt Nam	
	6.10. Đề nghị Chính phủ; các Bộ, ngành liên quan có cơ chế, chính sách hỗ trợ VATM và các doanh nghiệp hàng không thiết lập, cấp nhất, chia sẻ, trao đổi các cơ sở dữ liệu hàng không đang sở, đặc biệt là cơ sở dữ liệu liên quan cảng hàng không, sân bay.		Bộ Xây dựng				
	6.11. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực hàng không của Việt Nam tham gia sâu hơn vào các tổ chức hàng không quốc tế, đặc biệt là các vị trí chủ chốt trong ban điều hành của các tổ chức và hiệp hội hàng không quốc tế.		Bộ Xây dựng				
V	Chỉ thị số 05-CT/TTg, ngày 01/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên		Bộ Xây dựng				
	- Giao mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025 cụ thể cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ giao cho Bộ.		Bộ Xây dựng				

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	- Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù, quy định mới, đột phá, cơ chế “tuồng xanh” cho các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế trong lĩnh vực công nghệ cao. - Triển trương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất nguyên vật liệu và tham gia các dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị, đường sắt kết nối với quốc tế, dự án năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi... và hướng dẫn, hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.		Bộ Xây dựng				
2	Tập trung rà soát sửa đổi, hoàn thiện các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ theo hướng vướng mắc ở đầu, tháo gỡ ở đó, ở cấp nào thì cấp đó chủ động xử lý, thực hiện ngay theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gần với tầng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực thực thi của cán bộ, công chức, viên chức; thể chế, cơ chế, chính sách phải hướng tới huy động mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp và người dân cùng tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển đất nước. Hằng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các điểm nghiên, các khó khăn, vướng mắc, rào cản đối với người dân, doanh nghiệp, gồm cả nhà đầu tư nước ngoài.		Bộ Xây dựng				
3	Tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính để giảm phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Phấn đấu trong năm 2025 giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; giảm ít nhất 30% chi phí kinh doanh; bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; mọi thủ tục liên quan đến doanh nghiệp phải được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liên mạch và hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tới đa giấy tờ; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.		Bộ Xây dựng				
4	Phát huy hơn nữa vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án; triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đặc biệt trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.		Bộ Xây dựng				
5	Rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để bàn giao, sớm đưa vào vận hành, khai thác thương mại các công trình, dự án đã và đang triển khai, những dự án chậm tiến độ nhằm giải phóng nguồn lực, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tranh thủ thoát, lảng phí.		Bộ Xây dựng				
6	Tiếp tục nhân rộng mô hình Tổ công tác làm việc với từng doanh nghiệp công nghệ lớn toàn cầu, nhà đầu tư chiến lược, chủ động, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách ưu đãi, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để thu hút các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng dẫn dắt doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Phát triển “Công một cửa đầu tư quốc gia” nhằm tăng cường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.		Bộ Xây dựng				
7	Nghiên cứu, áp dụng khung pháp lý chuyên biệt góp phần đưa hệ thống pháp luật Việt Nam bắt kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, kinh tế nền tảng, thương mại điện tử, đặc khu kinh tế; đề xuất khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát đối với các ngành công nghệ mới.		Bộ Xây dựng				
8	Khẩn trương hoàn tất việc phân bổ toàn bộ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trong Quy I năm 2025, bảo đảm trung tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân và tuân thủ đúng quy định pháp luật về đầu tư công; đảm bảo dự toán để giải ngân cho các dự án, trường hợp hết Quy I năm 2025 các Bộ, cơ quan, địa phương không hoàn thành phân bổ, Chính phủ sẽ thu hồi số vốn ngân sách trung ương chưa phân bổ để bố trí cho các dự án khác cần vốn đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đồng thời chỉ đạo thành tra làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể để xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật nhà nước.		Bộ Xây dựng				
9	Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phần đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt ít nhất 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, theo tinh thần lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt và thu hút mọi nguồn lực xã hội; quyết tâm hoàn thành mục tiêu đến hết năm 2025 có ít nhất 3.000 km đường cao tốc và trên 1.000 km đường ven biển, cơ bản hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các cảng khu vực Lạch Huyện, đưa vào khai thác nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài, Khởi công xây dựng bến cảng Liên Chiểu, hoàn thành các thủ tục đầu tư cảng biển quốc tế Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh.		Bộ Xây dựng				
10	Quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thúc đẩy tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm, đẩy nhanh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Quan tâm thúc đẩy tiến độ, tháo gỡ dứt điểm khó khăn về cung ứng vật liệu thi công, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn. Các địa phương có đường cao tốc đi qua cần phối hợp với các chủ đầu tư, nhà thầu động viên và hỗ trợ để các nhà thầu “vượt nắng thắng mưa, không thua gió bão”, thi công xuyên ngày nghỉ, ngày lễ, làm việc 3 ca 4 kíp.		Bộ Xây dựng				

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Chí chú
11	Xây dựng kế hoạch giải ngân đối với từng dự án; yêu cầu chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân của từng dự án theo từng tháng, quý; tuân thủ kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý; phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm từng dự án, kiểm soát chặt quy mô, tiến độ, hiệu quả đầu tư; đưa kết quả giải ngân thành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để kiểm điểm, khen thưởng, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời; ra soát, kịp thời điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án giải ngân chậm để bổ sung cho các dự án khác có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu đẩy nhanh tiến độ theo quy định, đặc biệt là các dự án quan trọng, cấp bách, các dự án hạ tầng chiến lược và các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia.		Bộ Xây dựng				
12	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài và thực hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các tổ chức, cá nhân có tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đầu tư công; thay thế kịp thời những cá nhân yếu kém về năng lực, sơ sài, sơ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh khi thực thi công vụ.		Bộ Xây dựng				
13	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại hiện trường, đón đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công phát gắn với đảm bảo chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm. Chỉ đạo, kiểm tra, đón đốc thi công, đẩy nhanh tiến độ các dự án thành phần đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; các dự án quan trọng, động lực như Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Biên Hoà - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành các cảng khu vực... Nghiên cứu xây dựng ngay tuyến tàu điện ngầm hoặc đường sắt từ sân bay Long Thành đến Tân Sơn Nhất, tuyến đường sắt trên cao từ Văn Cao đi Lăng Hòa Lạc.		Bộ Xây dựng				
14	Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư các dự án cho giai đoạn 2026-2030, nhất là các dự án hạ tầng chiến lược, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị, các cảng biển trung chuyển quốc tế... Bảo đảm tổng số dự án nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 không quá 3.000 dự án trên phạm vi cả nước.		Bộ Xây dựng				
15	Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, giai đoạn 2021-2030”; các chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương; thúc đẩy giải ngân các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi về phát triển nhà ở xã hội; phân đầu đến hết năm 2025, hoàn thành trên 100 nghìn căn nhà ở xã hội và xóa bỏ toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.		Bộ Xây dựng				
16	Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu thành lập “quỹ nhà ở quốc gia” để phát triển nhà giá rẻ tại các đô thị lớn, nhà ở xã hội, nhà ở cho người trẻ dưới 35 tuổi.		Bộ Xây dựng				
17	Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ động, linh hoạt thực hiện các giải pháp đồng bộ phát triển văn hóa, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quyết liệt thực hiện các cam kết tại COP26, ấn định chính trị, cùng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, làm tốt công tác truyền thông chính sách, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế thực chất, hiệu quả.		Bộ Xây dựng				
18	Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể trong tháng 3 năm 2025 và tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.		Bộ Xây dựng				
19	Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia sâu rộng, toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo; nền kinh tế số rộng khắp, bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06; đẩy nhanh việc chia sẻ dữ liệu, nhất là dữ liệu về dân cư, tư pháp, giáo dục, ngân hàng, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, phương tiện.		Bộ Xây dựng				
20	Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, năng lượng mới, y sinh học, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí... thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới, ưu tiên tập trung vào một số ngành: bán buôn, bán lẻ, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, logistics.		Bộ Xây dựng				
21	Tập trung triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các chính sách thi điểm mới, đột phá về đầu tư, tài chính, đầu thầu, thử nghiệm có kiểm soát; khuyến khích và phát huy hiệu quả các quỹ khoa học công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; áp dụng mô hình “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư - sử dụng công”, “lãnh đạo công - quản trị tư”; bảo đảm sự chủ động, sáng tạo của các nhà khoa học.		Bộ Xây dựng				
22	Tập trung triển khai hiệu quả các quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch đã ban hành; phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với các trung tâm mới như sân bay Long Thành, trung tâm tài chính quốc tế; chủ động đề xuất các giải pháp phát triển các ngành bán dẫn, chip...		Bộ Xây dựng				
5	Bộ Công thương						

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Đẩy mạnh kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại thị trường trong nước; thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số gắn với tăng cường giám sát, xử lý vi phạm trên các nền tảng thương mại điện tử; phát triển các mô hình tiêu dùng kết hợp trải nghiệm như trung tâm thương mại số, kết hợp thương mại - văn hoá - du lịch...		Bộ Công Thương	Bộ, cơ quan liên quan			CT105
2	Thúc đẩy kết nối giữa nhà sản xuất trong nước và các kênh phân phối hiện đại để mở rộng tiêu thụ sản phẩm nội địa trên cả nước; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hệ thống logistics thông minh, kết hợp kho bãi hiện đại, trí tuệ nhân tạo, công nghệ dữ liệu lớn để tối ưu vận chuyển, giám chi phí phân phối; nghiên cứu, thực hiện hình thành mô hình "Cảng miễn thuế" để đưa Việt Nam trở thành trung tâm Logistics lớn.		Bộ Công Thương				CT105
3	Bảo đảm an ninh năng lượng, không để thiếu hụt, đứt gãy nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước trong mọi tình huống.		Bộ Công Thương				CT105
4	Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các cam kết trong 17 FTA đã ký kết; đẩy mạnh đàm phán, tham mưu ký kết các FTA với các nước Trung Đông, Thụy Sĩ, Na Uy, Phần Lan, Ấn Độ Brazil...; tăng cường khai thác các thị trường mới, tiềm năng, thị trường Trung Đông, Halaï, Mỹ La-tinh, châu Phi.		Bộ Công Thương				CT105
5	Cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu; cập nhật, đánh giá tình hình xuất khẩu của Việt Nam để cảnh báo sớm các doanh nghiệp về những mất hàng có khả năng bị nước ngoài điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh; hỗ trợ doanh nghiệp trong các vụ kiện chống bán phá giá.		Bộ Công Thương				CT105
6	Kiểm tra, kiểm soát về xuất xứ hàng hóa và chủ động, tích cực trao đổi với các đối tác về chính sách quản lý xuất xứ hàng hóa của Việt Nam.		Bộ Công Thương				CT105
7	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ sửa đổi, điều chỉnh và triển khai hiệu quả Quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch điện VIII, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ đưa vào vận hành các dự án nguồn điện lớn, lưới điện quốc gia.		Bộ Công Thương	Bộ, cơ quan liên quan			CT105
8	Khẩn trương hoàn thiện Kế hoạch hành động về cân bằng thương mại hải hòa, bền vững với các đối tác lớn, trong đó lưu ý tính chặt chẽ trong cơ cấu thương mại giữa Việt Nam với các nước thay vì cạnh tranh trực tiếp; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 12 tháng 3 năm 2025 để tổ chức triển khai ngay trong tháng 3 năm 2025.		Bộ Công Thương				CT106
9	Tiếp tục khẩn trương triển khai đồng bộ các giải pháp đa dạng hóa thị trường, mở hàng xuất khẩu, thúc đẩy xúc tiến thương mại; khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, thúc đẩy ký các FTA mới với các thị trường tiềm năng (Trung Đông, Châu Phi, Mỹ La-tinh, Trung Á, Ấn Độ, Brazil,...). Tiếp tục vận động, thúc đẩy các nước sớm dỡ bỏ các hạn chế, kiểm soát về xuất khẩu công nghệ cao, công nhân Quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam.		Bộ Công Thương				CT106
10	Nâng cao năng lực, kiểm soát nguồn gốc xuất xứ hàng hóa nhằm giảm thiểu tác động từ các dòng đầu tư bên ngoài có dấu hiệu không lành mạnh, lẩn tránh thuế quan có thể gây ảnh hưởng đến uy tín của nước ta; tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý thị trường; đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; bảo vệ và thực hiện nghiêm bảo vệ sở hữu trí tuệ; không vi phạm bản quyền. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hỗ trợ các ngành hàng, doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại, thích ứng với các rào cản kỹ thuật mới của các đối tác xuất khẩu nhằm thúc đẩy xuất khẩu bền vững.		Bộ Công Thương				CT106
6 Ngân hàng Nhà nước							
1	Tiếp tục theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, khu vực, việc thay đổi và điều chỉnh chính sách tài chính, tiền tệ của các nền kinh tế lớn để phân tích, có phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả.		Ngân hàng Nhà nước			Thông xuyên	CT105
2	Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm trọng điểm và các chính sách vi mô khác; trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp về tiêu hành lãi suất, lý giải, tăng trưởng tín dụng, điều hành thị trường mở, thị trường liên ngân hàng, tái cấp vốn, lượng tiền cung ứng, phát hành tín phiếu...		Ngân hàng Nhà nước			Thông xuyên	CT105
3	Đưa tiền ra và hút tiền về nhịp nhàng, đồng bộ, hợp lý nhằm hỗ trợ giá vốn rẻ, lãi suất ngân hàng thấp cho người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, kinh doanh tín dụng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng.		Ngân hàng Nhà nước			Thông xuyên	CT105
4	Thông xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến lãi suất huy động, cho vay của các ngân hàng thương mại, thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các giải pháp theo thẩm quyền để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý, giá vốn rẻ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.		Ngân hàng Nhà nước			Thông xuyên	CT105
5	Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế, theo dõi và kiểm soát lạm phát (4,5-5%)		Ngân hàng Nhà nước			Lạm phát năm 2025: 4,5-5%	CT105
6	Nghiên cứu giao bộ sung chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng theo thẩm quyền		Ngân hàng Nhà nước			Tăng trưởng tín dụng	CT105
7	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các dòng lực tăng trưởng kinh tế, tín dụng cho các dự án, công trình trọng điểm, xuất khẩu nông sản		Ngân hàng Nhà nước				CT105

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Chi chú
8	Kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
9	Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng, nhất là việc công bố công khai lãi suất huy động, lãi suất cho vay, hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng.		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
10	Kịp thời xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm, nhất là các tổ chức tín dụng cạnh tranh lãi suất không lành mạnh, không đúng quy định (cả lãi suất huy động và cho vay); nghiêm cấm không để các ngân hàng thương mại tự do tăng lãi suất không theo định hướng, cạnh tranh không lành mạnh, không bình đẳng.		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
11	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng: Tiếp tục tiết giảm chi phí, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cơ cấu, tổ chức lại bộ máy, sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận để phân đầu giảm lãi suất cho vay; rà soát, phân “luồng” đối tượng để cắt giảm thủ tục, điều kiện cho vay nhằm đẩy vốn tín dụng nhanh hơn, kịp thời hơn, hiệu quả hơn đối với những đề án, dự án, lĩnh vực tạo động lực cho tăng trưởng, nhất là tăng trưởng xanh; đồng thời bảo đảm an toàn, hợp lý hoạt động ngân hàng.		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
12	Nghiên cứu nâng quy mô Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản lên khoảng 100 nghìn tỷ đồng và mở rộng phạm vi Chương trình đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
13	Tiếp tục nghiên cứu triển khai các gói tín dụng ưu đãi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng kinh tế và cho người trẻ dưới 35 tuổi mua nhà ở		Ngân hàng Nhà nước			CT05	
14	Giao mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025 cụ thể cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ giao cho Bộ, cơ quan, địa phương.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
15	Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù, quy định mới, đột phá, cơ chế “luồng xanh” cho các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế trong lĩnh vực công nghệ cao.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
16	Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất nguyên vật liệu và tham gia các dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị, đường sắt kết nối với quốc tế, dự án năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi... và hướng dẫn, hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
17	Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND tỉnh phải tiếp phụ trách, chịu trách nhiệm đối với công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
18	Tập trung rà soát sửa đổi, hoàn thiện các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ theo hướng vướng mắc ở đầu, tháo gỡ ở đó, ở cấp nào thì cấp đó chủ động xử lý, thực hiện ngay theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
19	Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực thực thi của cán bộ, công chức, viên chức		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
20	Thể chế, cơ chế, chính sách phải hướng tới huy động mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp và người dân cùng tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển đất nước		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
21	Hàng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các điểm nghẽn, các khó khăn, vướng mắc, rào cản đối với người dân, doanh nghiệp, gồm cả nhà đầu tư nước ngoài.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
22	Tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính để giảm phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
23	Phấn đấu trong năm 2025 giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính		Bộ, ngành, địa phương		Giảm 30%	31/12/2025	CT05
24	Phấn đấu trong năm 2025 giảm ít nhất 30% chi phí kinh doanh		Bộ, ngành, địa phương		Giảm 30%	31/12/2025	CT05
25	Phấn đấu trong năm 2025 bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết		Bộ, ngành, địa phương		Cắt ít nhất 30% điều	31/12/2025	CT05
26	Phấn đấu trong năm 2025 mọi thủ tục liên quan đến doanh nghiệp phải được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch và hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ		Bộ, ngành, địa phương		100% thủ tục liên quan DN	31/12/2025	CT05
27	Phấn đấu trong năm 2025: 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.		Bộ, ngành, địa phương		100% thủ tục HC không phụ thuộc địa	31/12/2025	CT05
28	Phát huy hơn nữa vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án; triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	
29	Triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.		Bộ, ngành, địa phương			CT05	

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
30	Rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để ban giao, sớm đưa vào vận hành, khai thác thương mại các công trình, dự án đã và đang triển khai, những dự án chậm tiến độ nhằm giải phóng nguồn lực, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tránh thất thoát, lãng phí.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
31	Tiếp tục nhân rộng mô hình Tờ công tác làm việc với từng doanh nghiệp công nghệ lớn toàn cầu, nhà đầu tư chiến lược, chủ động, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách ưu đãi, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để thu hút các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng dẫn dắt doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Phát triển “Cổng một cửa đầu tư quốc gia” nhằm tăng cường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
32	Đề xuất, trình Chính phủ ngay trong tháng 3 năm 2025 về khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả.		Ngân hàng Nhà nước	Bộ Tài chính	Tờ trình Chính phủ	31/3/2025	CT05
33	Triển khai quyết liệt các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.		Ngân hàng Nhà nước	Bộ, ngành, địa phương			CT05
34	Khai trương hoàn tất việc phân bổ toàn bộ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trong Quý I năm 2025, bảo đảm tương tâm, tương điểm, không dàn trải, phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân và tuân thủ đúng quy định pháp luật về đầu tư công, đảm bảo dự toán để giải ngân cho các dự án.		Bộ, ngành, địa phương		Hoàn tất phân bổ phần bổ	31/3/2025	CT05
35	Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phần đầu lý lẽ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt ít nhất 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, theo tình thần lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt và thu hút mọi nguồn lực xã hội;		Bộ, ngành, địa phương		Giải ngân 95% kế hoạch vốn đầu tư công	31/12/2025	CT05
36	Quyết tâm hoàn thành mục tiêu đến hết năm 2025 có ít nhất 3000 km đường cao tốc và trên 1000 km đường ven biển, cơ bản hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các cảng khu vực Lạch Huyện, đưa vào khai thác nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài,		Bộ Xây dựng	Các bộ ngành, địa phương	cao tốc và 1000km đường ven biển; cơ bản hoàn thành các	31/12/2025	CT05
37	Khởi công xây dựng bến cảng Liên Chiểu,		TP. Đà Nẵng	Bộ Xây dựng, Bộ Tài	Khởi công	31/12/2025	CT05
38	Hoàn thành các thủ tục đầu tư cảng biển quốc tế Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh.		TP. Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài	Ra quyết định đầu tư	31/12/2025	CT05
39	Quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thúc đẩy tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm, đẩy nhanh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
40	Quan tâm thúc đẩy tiến độ, tháo gỡ dứt điểm khó khăn về cung ứng vật liệu thi công, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn		Bộ, ngành, địa phương				CT05
41	Xây dựng kế hoạch giải ngân đối với từng dự án, yêu cầu chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân của từng dự án theo từng tháng, quý, tuần thủ kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý		Bộ, ngành, địa phương				CT05
42	Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm từng dự án, kiểm soát chặt quy mô, tiến độ, hiệu quả đầu tư		Bộ, ngành, địa phương				CT05
43	Đưa kết quả giải ngân thành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để kiểm điểm, khen thưởng, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời; rà soát, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án giải ngân chậm để bổ sung cho các dự án khác có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu đẩy nhanh tiến độ theo quy định, đặc biệt là các dự án quan trọng, cấp bách, các dự án hạ tầng chiến lược và các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia		Bộ, ngành, địa phương				CT05
44	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài và thực hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các tổ chức, cá nhân có tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công		Bộ, ngành, địa phương				CT05
45	Kiểm quyết xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đầu tư công		Bộ, ngành, địa phương				CT05
46	Thay thế kịp thời những cá nhân yếu kém về năng lực, sơ sài, sơ trách nhiệm, dùn dấy, né tránh khi thực thi công vụ		Bộ, ngành, địa phương				CT05
47	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công phải gắn với đảm bảo chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm		Bộ, ngành, địa phương				CT05
48	Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thi công, đẩy nhanh tiến độ các dự án thành phần đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.		Bộ, ngành, địa phương				CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
49	Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thi công, đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, động lực như Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Biên Hoà - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành các cảng khu vực...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
50	Nghiên cứu xây dựng ngay tuyến tàu điện ngầm hoặc đường sắt từ sân bay Long Thành đến Tân Sơn Nhất, tuyến đường sắt trên cao từ Văn Cao đi Láng Hòa Lạc.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
51	Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư các dự án cho giai đoạn 2026-2030, nhất là các dự án hạ tầng chiến lược, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị, các cảng biển trung chuyển quốc tế...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
52	Bảo đảm tổng số dự án nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 -2030 không quá 3000 dự án trên phạm vi cả nước.		Bộ Tài chính	Các bộ ngành, địa			CT05
53	Tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi; tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng tại các Chương trình mục tiêu quốc gia.		Ngân hàng Nhà nước	Ngân hàng Chính			CT05
54	Tạo điều kiện để doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm cải thiện về năng suất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu.		Ngân hàng Nhà nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa			CT05
55	Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách về thuế, tín dụng để hỗ trợ tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng, du lịch nội địa; triển khai các giải pháp đồng bộ để khai thác xu hướng tiêu dùng, du lịch trong nước dịp lễ, tết		Bộ, ngành, địa phương				CT05
56	Tăng cường quản lý hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới; thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ, đặc biệt tài chính - ngân hàng, phát triển logistics, mở rộng vận tải hàng không, đường biển; tăng cường hội nhập quốc tế về dịch vụ và ký kết các hiệp định kinh tế số.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
57	Chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể trong tháng 3 năm 2025 và tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội		Bộ, ngành, địa phương		Ban hành Chương trình	31/3/2025	CT05
58	Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia sâu rộng, toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo; nền kinh tế số rộng khắp, bảo đảm an ninh, an toàn mạng		Bộ, ngành, địa phương				CT05
59	Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06; đẩy nhanh việc chia sẻ dữ liệu, nhất là dữ liệu về dân cư, tư pháp, giáo dục, ngân hàng, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, phương tiện.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
60	Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, năng lượng mới, y sinh học, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
61	Thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới, ưu tiên tập trung vào một số ngành: bán buôn, bán lẻ, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, logistics		Bộ, ngành, địa phương				CT05
62	Tập trung triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các chính sách thi điểm mới, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo		Bộ, ngành, địa phương				CT05
63	Khuyến khích và phát huy hiệu quả các quỹ khoa học công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo		Bộ, ngành, địa phương				CT05
64	Áp dụng mô hình “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”, “lanh đạo công - quản trị tư”		Bộ, ngành, địa phương				CT05
65	Bảo đảm sự chủ động, sáng tạo của các nhà khoa học		Bộ, ngành, địa phương				CT05
66	Tập trung triển khai hiệu quả các quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch đã ban hành		Bộ, ngành, địa phương				CT05
67	Phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với các trung tâm mới như sân bay Long Thành, trung tâm tài chính quốc tế		Bộ, ngành, địa phương				CT05
68	Chú trọng để xuất các giải pháp phát triển các ngành bản địa, chip...		Bộ, ngành, địa phương				CT05
69	Chú trọng, lĩnh vực thực hiện các giải pháp đồng bộ phát triển văn hóa, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững		Bộ, ngành, địa phương				CT05
70	Làm tốt công tác truyền thông chính sách, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; hội nhập quốc tế thực chất, hiệu quả		Bộ, ngành, địa phương				CT05
71	Khẩn trương xây dựng các phương án, biện pháp phù hợp trong giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp tác với các đối tác trong thanh toán, tiền tệ; áp dụng các biện pháp cân bằng, hợp lý, hài hòa.		Bộ, ngành, địa phương				CT05
			Ngân hàng Nhà nước				CT06

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
72	Tập trung giải quyết hiệu quả các chương trình, dự án còn khó khăn, vướng mắc với các đối tác, nhất là các chương trình, dự án lớn phía đối tác đang đặc biệt quan tâm và phù hợp với nhu cầu của Việt Nam		Bộ, ngành, địa phương			CT06	
73	Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp nước ngoài mở rộng đầu tư, chuyển dịch và duy trì chuỗi cung ứng tại Việt Nam, thúc đẩy sự tham gia ngày càng sâu của các doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.		Bộ, ngành, địa phương			CT06	
74	Xác định phòng, chống lãng phí là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi sự tham gia, đồng góp một cách có trách nhiệm của tất cả các bộ, ngành, địa phương.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
75	Công tác phòng, chống lãng phí phải được thể hiện rõ nét qua những cam kết, kế hoạch, có tiến độ, có chỉ tiêu cụ thể, tập trung giải quyết triệt để các nguyên nhân dẫn đến lãng phí và phải được tiến hành thường xuyên. Kế hoạch thực hiện phải đảm bảo 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả)		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
76	Gắn kết các kết quả từ công tác phòng, chống lãng phí với thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên năm 2025 và tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030; xác định kết quả thu được từ công tác phòng, chống lãng phí là nguồn lực quan trọng, góp phần thúc đẩy các động lực tăng trưởng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền cạnh các động lực tăng trưởng truyền thống khác.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
77	Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác phòng, chống lãng phí.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
78	Tích cực thông tin, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
79	Quản triệt thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách triệt để, giảm tới đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
80	Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn liền với tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc trong giải quyết thủ tục hành chính để giảm tầng nấc trung gian, chấm dứt tình trạng kéo dài thời gian giải quyết qua nhiều cơ quan, đơn vị.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
81	Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai, minh bạch, đẩy đủ thủ tục hành chính, số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
82	Đẩy nhanh trên khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông, ưu tiên rà soát tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
83	Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính theo quy định		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
84	100% hồ sơ thủ tục hành chính phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
85	Thực hiện quản trị thông minh và chuyển đổi số là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giúp minh bạch hóa thông tin, giảm thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, đồng thời là công cụ hữu hiệu trong phòng, chống lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
86	Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào công tác quản lý, giám sát; đồng thời, đồng bộ hóa hạ tầng số, liên thông hệ thống dữ liệu giữa các cơ quan để tránh tình trạng mỗi đơn vị vận hành một hệ thống riêng lẻ, dẫn đến phần mềm dư thừa, gây khó khăn trong quản lý và khai thác thông tin.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
87	Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, xây dựng quy trình xử lý liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo các vụ việc lãng phí, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
88	Cần có cơ chế giám sát chặt chẽ giữa các cấp chính quyền để tránh tình trạng lợi ích nhóm, bao che sai phạm, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước.		Bộ, ngành, địa phương			CT08	
89	Nghiên cứu triển khai đối với các kiến nghị của các ngân hàng liên quan áp dụng bộ chuẩn mực Basel III, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sand box) với tính thân ái tạo không gian để sáng tạo và lấy hiệu quả để đánh giá.		Ngân hàng, địa phương			CT09	
90	Chi đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rà soát, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận để phần đầu giảm lãi suất cho vay theo tình thần “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”		Ngân hàng Nhà nước			CT09	
91	Rà soát, phân luồng đối tượng để cắt giảm thủ tục, điều kiện cho vay nhằm đẩy vốn tín dụng nhanh hơn, kịp thời hơn, hiệu quả hơn, nhất là đối với những đề án, dự án, lĩnh vực tạo động lực cho tăng trưởng, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, đồng thời bảo đảm an toàn, hợp lý hoạt động ngân hàng		Ngân hàng Nhà nước			CT09	
92	Tiếp tục nghiên cứu triển khai các gói tín dụng ưu đãi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng kinh tế, phát triển nhà ở xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho người trẻ dưới 35 tuổi mua nhà ở xã hội.		Ngân hàng Nhà nước			CT09	
93	Chu trương cho các ngân hàng thương mại giữ lại lợi nhuận để tăng vốn điều lệ. Quyết liệt đẩy nhanh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém, xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa thị trường.		Ngân hàng Nhà nước			CT09	
94	DNNN còn một số vướng mắc liên quan đến điều kiện trang bị cơ sở vật chất, nhất là Agribank mang lưới rộng khắp khắp đến tận cấp huyện, thủ tục đầu tư XD CB còn khó khăn.		Ngân hàng Nhà nước			CT09 - Phụ lục	
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường						

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Chỉ chú
1	Khẩn trương xây dựng kịch bản tăng trưởng ngành, lĩnh vực hàng tháng, quý;	- Nghị quyết số 05-NQ/ĐU, ngày 20/3/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành NN&MT và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025. - Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 về Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2025. Trong đó, xác định rõ phần đầu tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 4% trở lên; kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 65 tỷ USD. - Kịch bản xác định tốc độ tăng trưởng theo hàng quý và cả năm với 28 nhiệm vụ trọng tâm giao cụ thể cho các đơn vị thuộc Bộ triển khai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025	năm 2025	NQ25
2	Khẩn trương rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy định không còn phù hợp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền,		Các bộ		Các quy định được rà soát, hoàn thiện	năm 2025	CT05
3	Tập trung rà soát, cắt giảm tục hành chính. Năm 2025, giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm 30% chi phí kinh doanh, bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết, 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh		Các bộ		BC kết quả rà soát cắt giảm hàng quý	năm 2025	CT05
4	Tháo gỡ khó khăn vướng mắc lên quan đến các dự án, về cơ chế chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra bán án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.		Bộ NN và MT	Bộ Tư pháp	Nghị định số 76/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025		CT05
5	Phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2025 đạt ít nhất 95%		Các bộ	Các địa phương	Kết quả giải ngân đến 31/1/2026	năm 2025	CT05
6	Tạo điều kiện để doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm cải thiện về năng suất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tạo điều kiện để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu		Bộ NN và MT	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức khoa học			CT05
7	Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo		Bộ NN và MT	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức khoa học	Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025		CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
8	Rà soát, tham mưu báo cáo TTCTP việc ban hành mới và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ	Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2025 Quyết định 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ NN và MT	Các địa phương	Triển khai hiệu quả Chiến lược, quy hoạch không gian biển đã	năm 2025	CT05
9	Xây dựng Đề án hợp tác về các lĩnh vực tiềm năng như khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, nông nghiệp,... với các đối tác, thúc đẩy mở cửa thị trường của nhau	Quyết định số 875/QĐ-BNNMT ngày 16/4/2025 của Bộ NN&MT triển khai các nhiệm vụ Chính phủ giao về công tác phát triển thị trường N.L.TS nơi chung và ngành lúa gạo nói riêng	Bộ NN và MT	Các bộ, ngành địa phương	Đề án	năm 2025	CT06
10	Tiếp tục rà soát, khẩn trương hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực KT-XH và phòng, chống lãng phí	Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2025 Quyết định 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025	Các bộ			năm 2025	CT08
11	Rà soát các dự án lãng phí kéo dài và đề xuất cơ chế chính sách xử lý kịp thời, hiệu quả	- Tổ chức Hội nghị giao ban xây dựng cơ bản để rà soát, thúc đẩy tiến độ các dự án. - Ban hành Chỉ thị của Bộ về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công các dự án do Bộ NN& MT quyết định đầu tư	Các bộ			năm 2025	CT08
12	Hoàn thiện thể chế, chính sách góp phần thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế xã hội	Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2025 Quyết định 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025	Các bộ			năm 2025	CT09
13	Thực hiện quyết liệt hiệu quả chủ trương tình giản, sắp xếp tổ chức cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị	Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2025 Quyết định 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025	Các bộ			năm 2025	CT09
14	Xử lý kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp tại Phụ lục đính kèm Chỉ thị	Văn bản số 1109/BNNM-T-KHTC ngày 15/4/2025 trả lời kiến nghị 02 Tập đoàn: Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, Công nghiệp Cao su VN và Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN	Các bộ		Văn bản số 1109/BNNM-T-KHTC ngày		CT09
8 Bộ Khoa học và Công nghệ							
1	Khẩn trương nghiên cứu sửa đổi và bảo đảm tiến độ sửa đổi, ban hành các Luật: Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Năng lượng nguyên tử	Cụ thể hóa trong Kế hoạch hành động năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về thực hiện Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03 và Nghị quyết số 71 Chính phủ (ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-BKHCN)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường,			CT05
2	Tạo điều kiện để doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm cải thiện về năng suất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ				CT05
3	Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút chuyên gia giỏi trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao tham gia phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ				CT05
4	Đẩy mạnh thương mại hoá 5G; nghiên cứu công nghệ 6G; phát triển về lĩnh vực viễn thông và nâng cấp hạ tầng trực tuyến thông quốc gia. Đẩy mạnh đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng băng rộng có định tốc độ cao.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ				CT05
5	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ công nghệ số.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ				CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Khẩn trương rà soát, tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ phù việc ban hành mới và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp		CT05	
7	Bám sát chủ trương, đường lối, chính sách tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác với các đối tác lớn, Đối tác chiến lược toàn diện có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, bản dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, internet vạn vật...; kịp thời xử lý các quan tâm của phía đối tác liên quan đến thực thi pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao		CT06	
8	Đề xuất phát triển hệ sinh thái ứng dụng 5G và IoT: Đề xuất Chính phủ xem xét, ban hành các chính sách, cụ thể: - Ban hành quy định khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng các ứng dụng trên 5G, IoT đối với các ngành để thông minh, tự động hóa.... đặc biệt là ví dụ các ngành/lĩnh vực độc hại với con người, sử dụng nhiều lao động... Có các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp tiên phong sử dụng, ví dụ như thuê đất, hay ưu đãi thuế... - Giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ chủ lực triển khai các giải pháp tổng thể, toàn diện để đáp ứng được mục tiêu này.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ			CT09	
9	Đề xuất sớm ban hành cơ chế mua lại sản phẩm do DN trong nước nghiên cứu sản xuất. Đề xuất Chính phủ sớm ban hành các quy định cụ thể để khuyến khích mua sắm, ưu tiên sử dụng đối với các sản phẩm công nghệ cao do doanh nghiệp trong nước sản xuất, thúc đẩy sản xuất nội địa, từ thiết bị viễn thông. Giải pháp CNTT, AI, đến logistics, tạo động lực cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng trưởng trong giai đoạn tới.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ			CT09	
10	Đổi mới khoa học công nghệ theo Nghị quyết 57, EVN rất muốn đồng hành cùng các doanh nghiệp như Viettel, VNPT, FPT trong thực hiện chuyển đổi số nhưng cơ chế hiện nay chưa có để hiện thực hóa.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ			CT09	
11	Đề khuyến khích các DNNN đẩy mạnh áp dụng, phát triển công nghệ và tăng cường đổi mới sáng tạo, kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành liên quan: Có cơ chế, chính sách thử nghiệm triển khai mô hình kinh doanh mới, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh tạo thuận lợi cho các tập đoàn, DNNN đầu tư vào công nghệ và đổi mới sáng tạo; có chính sách thuế cũng như các chính sách ưu đãi khác dành cho các doanh nghiệp có tiềm năng trở thành xương sống chuỗi cung ứng trong các ngành mà Việt Nam có lợi thế so sánh; có cơ chế phù hợp để cho phép các DNNN chấp nhận rủi ro khi thực hiện đầu tư vào các dự án có hàm lượng công nghệ và đổi mới sáng tạo cao hay đóng góp vào đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực năng lượng, quốc phòng...	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ			CT09	
12	Đề xuất cơ chế hỗ trợ chi phí tiền điện, phí băng tần, phí thương quyền đối với các doanh nghiệp viễn thông tham gia phát triển cơ sở hạ tầng số quốc gia: Đề tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông phát triển cơ sở hạ tầng số quốc gia một cách nhanh chóng, bền vững, đề xuất Chính phủ xem xét, có cơ chế: (i) Áp dụng chính sách giá điện ưu đãi cho doanh nghiệp viễn thông, đặc biệt trong bối cảnh các trạm BTS, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng lõi, các công nghệ 5G tiêu thụ lượng điện lớn và liên tục; (ii) Điều chỉnh mức phí băng tần và phí thương quyền theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp hoặc sử dụng nguồn thu từ các khoản phí này để tái đầu tư, hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình mở rộng và nâng cấp hạ tầng số quốc gia.	Nt	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính		CT09	
9 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch							
1	Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, thể thao, tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch. Thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa	Theo Nghị quyết số 162/2024/QH15, ngày 27/11/2024 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			2025-2035	CT05
2	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Chỉ thị này		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí		2025	CT05

Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
TT	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao và các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về những nỗ lực của Việt Nam trong thúc đẩy hợp tác với các đối tác, nhất là các nước lớn, các Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện; tăng cường tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông theo chuyên đề về những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, cách mạng về cải cách bộ máy, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...; các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước (các thành tựu về ngoại giao, kinh tế; các chương trình an sinh xã hội như xóa nhà tạm, nhà dột nát, nhà ở xã hội cho người lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...) để tăng cường hiểu biết, củng cố niềm tin của các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đối với môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao và các cơ quan thông tấn, báo chí		2025-2035	CT08
4	Khách du lịch:		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa			NQ25
4.1	Quốc tế				22-23 triệu lượt	2025	
4.2	Nội địa				120-130 triệu lượt	2025	
10 Thanh tra Chính phủ							
1	Hoàn thành kết luận thanh tra đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và cơ sở 2 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức tại tỉnh Hà Nam trước ngày 31 tháng 3 năm 2025		Thanh tra Chính phủ	Kết luận thanh tra số 528/KL-TT/CP, ngày 28/3/2025 của Thanh tra Chính	Ngày 28/3/20025		TTCP đang giao Cục Phòng.c hống tham những xây dựng đề cương, dự thảo KH thực hiện
2	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên đề trong một số lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn lực của nền kinh tế trong đó, tập trung vào một số lĩnh vực có khả năng gây thất thoát, lãng phí lớn dễ xử lý sai phạm, đồng thời cảnh tỉnh, răn đe mạnh mẽ đối với các bộ, ngành địa phương khác trong việc quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công.		Thanh tra Chính phủ	Các Bộ, ngành, địa phương	Tổ chức các cuộc thanh tra chuyên đề	Thường xuyên	
11 Bộ Ngoại giao							
1	Triển khai chương trình đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt				Tháng 12	Tháng 12	
2	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch triển khai Ngoại giao công nghệ				Tháng 12	Đã thực hiện xong (16,17/4/2025)	
3	Tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh P4G năm 2025 tại Việt Nam				Tháng 4		
4	Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng UNCTAD lần thứ 16				Tháng 10		
5	Nghiên cứu phương án đơn phương miễn thị thực cho công dân một số nước Châu Âu, Trung Đông, Châu Mỹ La Tinh (Chỉ thị số 05)	Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ			Tháng 3	Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 07/3/2025 của Chính phủ	CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Tăng cường ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ,... thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại, phát triển KHCN và các ngành mới nổi (Chi thị số 05)	Xây dựng Đề án, Kế hoạch báo cáo, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức, triển khai các hoạt 3động ngoại giao cấp Nhà nước			Tháng 2, Tháng 3	KH long time triển khai năm giao lưu nhân văn Việt Nam Trung Quốc; các giải pháp tăng cường hợp tác, thích ứng với điều chỉnh chính sách thương mại của Hoa Kỳ; Đề án Tổng Bí thư thăm Belarus nhân chuyển thăm Nga, Kazakhstan	CT05
7	Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động thúc đẩy mạnh mẽ các biện pháp chính trị-ngoại giao, kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính-ngân hàng, quốc phòng-an ninh (Chi thị số 06)	Xây dựng Đề án, Kế hoạch báo cáo, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức, triển khai các hoạt động ngoại giao cấp Nhà nước				Đơn Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc và Phu nhân; Tổng thống Brazil và Phu nhân; Thủ tướng Singapore và Phu nhân; Thủ tướng Ethiopia và Phu nhân;... thăm cấp Nhà nước; chuyên đề nghiên cứu "Dự báo quan hệ Mỹ -Trung	CT06
8	Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động thúc đẩy mạnh mẽ các biện pháp chính trị-ngoại giao, kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính-ngân hàng, quốc phòng-an ninh (Chi thị số 06)	Hướng dẫn về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ-TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới				Hướng dẫn số 23-HD/ĐUB-CSDN, ngày 28/03/2025 của Đảng ủy Bộ Ngoại giao	
9	Kế hoạch xây dựng Bộ Luật Hình sự (sửa đổi)		Bộ Công an				
12 Bộ Tư pháp							
1	Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật.		Bộ Tư pháp				CT05

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2	Triển khai hiệu quả Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật” theo Quyết định số 244/QĐ- TTg ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, tập trung xây dựng, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương văn bản “Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật” để kịp thời phát hiện, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện chính sách, quy định của pháp luật, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc về thể chế nhằm bảo đảm mục tiêu kiến tạo, thúc đẩy phát triển.		Bộ Tư pháp				CT05
3	Khẩn trương hoàn thiện các Nghị định quy định chi tiết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 theo hình thức rút gọn trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2025 đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với Luật (ngày 01 tháng 4 năm 2025) để khơi thông những “điểm nghẽn” trong công tác xây dựng pháp luật.		Bộ Tư pháp				CT08
13 Bộ Nội vụ							
1	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chỉnh sách thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị và chỉnh sách đặc biệt đối với cán bộ, công chức đạt thành tích xuất sắc trong công việc; đồng thời có cơ chế đưa ra khỏi bộ máy những người không đủ năng lực, phẩm chất; cụ thể hóa hơn nữa chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm	- Xây dựng Luật Cán bộ công chức (sửa đổi), - Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức.	Bộ Nội vụ	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan	- Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 Quy định pháp, chỉnh sách thu hút người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc.	- Tháng 5/2025 trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi); - Tháng 10/2025 trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức.	
2	Nghiên cứu, đề xuất với Hội đồng thi đua - Khen thưởng Trung ương phát động phong trào thi đua, phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội tăng trưởng 8% trở lên năm 2025 và tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo	Triển khai các phong trào thi đua, đợt thi đua đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ phát động tạo không khí hởi, phấn khởi hàng say lao động sản xuất, huy động mọi nguồn lực của xã hội đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên năm 2025 và tăng trưởng 2 con số những năm tiếp theo	Bộ Nội vụ	Các Bộ, ngành, địa phương	- Phong trào thi đua của nước chung tay xóa nhà dột nát trong năm 2025. - Phong trào Cả nước chung tay xóa nhà tạm nhà	- Dự kiến sơ kết tháng 6/2025: Phong trào thi đua 500 hoàn thành thi đua 3.000 km đường bộ thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ - Dự kiến tháng 11/2025: Phong trào thi đua Cả nước chung tay xóa nhà dột nát trong năm 2025. - Dự kiến tháng 11/2025: Phong trào thi đua Cả nước chung tay xóa nhà tạm nhà	

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3	Sửa đổi Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 và Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 và các quy định khác (nếu có) liên quan đến cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài, để xuất sửa đổi theo hướng tạo điều kiện miễn giấy phép lao động hoặc rút gọn thủ tục cấp giấy phép lao động cho các đối tượng thuộc lĩnh vực cần ưu tiên, tranh thủ, đảm bảo thủ tục hành chính đơn giản, thuận lợi, thông thoáng.	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Bộ Nội vụ	Bộ Công An, Bộ Ngoại Giao và các Bộ ngành địa	Nghị định quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt	Tháng 5/2025	CT06
4	Hướng dẫn chính sách kinh phí đối với khối doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện tổ chức sắp xếp tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW của Trung ương (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)	Bộ Tài chính (không thuộc nhiệm vụ của Bộ Nội vụ)					CT09
5	Cơ chế khuyến khích người tài, cơ chế tiền lương vẫn khó khăn, cần có cơ chế thu hút nhân tài, nhân lực chất lượng cao (Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam)	Xây dựng và trình Chính phủ Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước	Bộ Nội vụ	Các Bộ, ngành, địa phương	Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh	Đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ	CT09

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Đề xuất được chủ động, linh hoạt trong cơ chế tiền lương để giữ chân, thu hút nhân sự chất lượng cao (Tổng công ty viễn thông Mobifone)	Xây dựng và trình Chính phủ Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước	Bộ Nội vụ	Các Bộ, ngành, địa phương	Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, D-CP ngày 28/2/2025	Đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025	CT09
14 Bộ Dân tộc và Tôn giáo							
1	1. Tập trung rà soát sửa đổi, hoàn thiện các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ... (Chỉ thị số 05). 2. Rà soát đề sửa đổi, bổ sung cả quy định về cơ chế quản lý kinh tế - xã hội (Chỉ thị số 08)	Chương trình, kế hoạch công tác năm của Bộ; Quyết định số 113/QĐ-BDTTg, ngày 12/3/2025 về ban hành kế hoạch rà soát VBQPPL năm 2025; Báo cáo rà soát, hoàn thiện hệ thống, cơ chế, chính sách, pháp luật để triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1. Lập được danh mục các văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật và văn bản cá biệt có chứa quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc có liên quan đến phát triển kinh tế biển Việt Nam để 2. Thường xuyên	1. Tháng 12/2025	
2	1. Đẩy nhanh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chỉ thị số 05). 2. Quyết liệt triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bảo đảm tiến độ, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí (Nghị quyết số 46/NQ-CP, ngày 08/3/2025 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2025)	1. Lập hồ sơ đề Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn II từ năm 2026 - 2030. 2. Bảo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn I từ năm 2021 - 2025.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, địa phương	Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, D-CP ngày 28/2/2025	Đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025	Tháng 8/2025

TT	Tên nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3	1. Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia sâu rộng, toàn diện trong tất cả các lĩnh vực, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo (Chỉ thị số 05). 2. Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, xây dựng quy trình xử lý liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương (Chỉ thị số 08)	Kế hoạch Chương trình hành động của Bộ Dân tộc và Tôn giáo triển khai Nghị quyết số 03/NQ-CP	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, địa phương	Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc; đưa Trung tâm dữ liệu về công tác dân tộc	Năm 2025	

PHỤ LỤC SỐ 03
Kết quả thực hiện các chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản theo Kết
luận số 121-KL/TW
(kèm theo Đề cương hướng dẫn giám sát thường xuyên)

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra	Kết quả thực hiện	Đánh giá (% so với kế hoạch)	Ghi chú
1.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị.				
2.	Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất chủ trương, đường lối của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền, quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, quản lý xã hội, tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức				
3.	Quy định rõ phương thức lãnh đạo của Đảng, cơ chế lãnh đạo, phối hợp của các cấp ủy ở Trung ương và địa phương.				
4.	Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"				
5.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển; tăng cường quyền tự chủ, tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu, kiểm soát quyền lực chặt chẽ; phân bổ nguồn lực hợp lý.				
6.	Nghiên cứu tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, giảm cấp hành chính trung gian phù hợp với thực tiễn, mở rộng không gian phát triển, tăng cường nguồn lực của địa phương				
7.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có số lượng phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước				

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản	Kế hoạch đề ra	Kết quả thực hiện	Đánh giá (% so với kế hoạch)	Ghi chú
8.	Khẩn trương ban hành cơ chế hữu hiệu lựa chọn, bố trí đúng cán bộ tốt, thực sự có đức, có tài, có khát vọng cống hiến, thực sự vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị; sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.				
9.	Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động để cải cách tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị; đi đầu là các cơ quan đảng ⁸				
10.	Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình công tác, nguyên tắc làm việc bảo đảm các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp, kiện toàn thực sự được "nâng cấp", tạo đột phá về hiệu lực, hiệu quả hoạt động; chất lượng hoạt động được "nâng tầm"				
11.	Đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp ⁹				
12.	Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình hành động cụ thể trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đặc biệt là các nhiệm vụ cần thực hiện trong năm 2025; tiếp tục rà soát về cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác để đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động ở địa phương, cơ quan, đơn vị.				

⁸ Gắn liền với thực hiện Đề án 06 và Đề án 204.

⁹ Gắn liền với thực hiện Đề án 06

PHỤ LỤC SỐ 04

Kết quả thực hiện các chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu cơ bản theo Chỉ thị số 45-CT/TW

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu	Đối tượng thực hiện	Kế hoạch đề ra	Kết quả và tiến độ triển khai	Đánh giá (%) so với kế hoạch đề ra	Ghi chú
	I. YÊU CẦU					
1	Nâng cao chất lượng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Trung ương Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong toàn hệ thống chính trị	Cấp ủy, tổ chức đảng				Khó khăn, vướng mắc
2	Tập trung lãnh đạo tổ chức thảo luận thật kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên	Cấp ủy, tổ chức đảng				
3	Dự báo được tình hình, xác định rõ thế mạnh, định hướng, trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, các đơn vị hành chính mới được thành lập và cả nước; văn kiện đại hội phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm và dễ kiểm tra	Cấp ủy, tổ chức đảng				
4	Báo cáo chính trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện	Cấp ủy, tổ chức đảng				
5	Báo cáo chính trị: xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới sát với tình hình, bối cảnh, yêu cầu mới và có tính khoa học, khả thi cao.	Cấp ủy, tổ chức đảng				
6	Công tác nhân sự: Bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; đề cao, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, tăng cường ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng, trọng yếu	Cấp ủy, tổ chức đảng				
7	Công tác chuẩn bị nhân sự, bầu cử hoặc chỉ định: Phải kế thừa, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác thẩm định nhân sự trên cơ sở mở rộng, phát huy tối đa trách nhiệm của các cơ quan chức năng; chủ động rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng tiêu chuẩn, điều kiện, kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hoặc vụ án, vụ việc của các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo,...	Cấp ủy, tổ chức đảng				

8	Có cơ chế, tiêu chí sàng lọc hiệu quả để không bỏ "sót" những người thật sự có đức, có tài; đồng thời, kiên quyết không để "lọt" vào cấp uỷ khoa mới những người: Bản lĩnh chính trị không vững vàng, dao động, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, tư duy nhiệm kỳ, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, "lợi ích nhóm", có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá",...; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm và quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều tài sản mà không giải trình rõ được nguồn gốc; vi phạm trách nhiệm nêu gương, để bản thân hoặc vợ (chồng), con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức, quyền để thu lợi bất chính; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát lớn, vụ việc tiêu cực gây ảnh hưởng xấu ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách	Cấp ủy, tổ chức đảng					
9	Tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm	Cấp ủy, tổ chức đảng					
10	Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả đối với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phản tư cơ hội chính trị, bất mãn để bao vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ.	Cấp ủy, tổ chức đảng					
II - NỘI DUNG							
I. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp							
	Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. (4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.						
	Nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp uỷ có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030; chưa tiến hành bầu cấp uỷ khoa mới.						
12	Những đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương họp nhất, sắp nhập; đảng bộ xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (gồm cả các xã không sắp nhập, các xã thuộc diện hợp nhất, sắp nhập đã tổ chức đại hội); đảng bộ (chi bộ) hợp nhất, sắp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoa XIII về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, thì đại hội với 2 nội dung (tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ, chi bộ trước khi hợp nhất, sắp nhập; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện đại hội cấp trên trực tiếp), không bầu cấp uỷ khoa mới và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên. Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ nhiệm kỳ khoa mới và phân bổ số lượng, chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.						

13	Đối với các đảng bộ cấp xã không hợp nhất, sáp nhập nếu đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì: (i) Tổ chức hội nghị ban chấp hành để thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên tiếp theo quy định, (ii) Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo Chỉ thị của Bộ Chính trị, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự cấp uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030 và nhân sự đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, bảo đảm theo đúng quy định.				
	2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận				
	<u>Dự thảo văn kiện của cấp uỷ trình đại hội gồm 2 báo cáo chủ yếu: Báo cáo chính trị của đảng bộ; Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ</u>				
	a. Báo cáo chính trị của đảng bộ:				
14	- Là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác				
15	- Phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới			Cấp ủy, tổ chức đảng	
16	- Tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp trên, dự báo được tình hình đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.			Cấp ủy, tổ chức đảng	
	b. Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ:				
17	- Phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình			Cấp ủy, tổ chức đảng	
18	- Đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025			Cấp ủy, tổ chức đảng	
19	- Kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh			Cấp ủy, tổ chức đảng	
20	- Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu			Cấp ủy, tổ chức đảng	
21	- Chi rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân			Cấp ủy, tổ chức đảng	
22	- Phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.			Cấp ủy, tổ chức đảng	
	<u>Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện:</u>				
23	- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc.			Cấp ủy, tổ chức đảng	
24	- Có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân			Cấp ủy, tổ chức đảng	
25	- Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến			Cấp ủy, tổ chức đảng	
26	- Các cấp uỷ chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.			Cấp ủy, tổ chức đảng	
27	- Đại hội các cấp phải dành thời gian thảo luận, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu			Cấp ủy, tổ chức đảng	
	3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp uỷ				

	3.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên				
	1. Tiêu chuẩn chung Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII; trong đó, một số nội dung quan trọng như sau: - Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. - Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. 28 - Có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao. - Có trình độ chuyên môn lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp. - Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức vụ (cao hơn) lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, thì giao cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình - Dù sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.				
	2. Tiêu chuẩn cụ thể				
	- Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước cấp tỉnh diện Trung ương quản lý: Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.				
29	- Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp; bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; cấp trên trực tiếp cơ sở; cấp cơ sở: Giao ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chuẩn chung (nêu tại Mục 1 về Tiêu chuẩn chung) và các quy định có liên quan, có trách nhiệm quy định cụ thể cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn.	Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương			
	3.2. Thời điểm tính tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc				
	- Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp): cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp trên trực tiếp cơ sở (gồm cả đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương) tháng 6/2025; đảng bộ các xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh là tháng 7/2025; cấp trực thuộc Trung ương tháng 9/2025. - Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội tháng 3/2026. - Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.				
	3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)				

	3.3.1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp: - Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây). - Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây). - Đối với đảng bộ các xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1968, nữ sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì phải sinh từ tháng 7/1970 trở lại đây). - Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023). - Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.					
	3.3.2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp uỷ phải còn thời gian công tác ít nhất từ 48 tháng trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp. Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ phải còn thời gian công tác ít nhất từ 42 tháng trở lên - Cán bộ tái cử cấp uỷ thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 36 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức					
	- Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1967, nữ sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1969 trở lại đây). Các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng khoá Xin thực hiện độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng. Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ: Nam sinh từ tháng 3/1967, nữ sinh từ tháng 3/1969 trở lại đây.					
	- Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1967, nữ sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1969 trở lại đây)					
	- Đối với đảng bộ các xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1967, nữ sinh từ tháng 7/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 7/1969 trở lại đây). Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 48 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).					
	- Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây.					
	- Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp uỷ căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2024). Các đồng chí tham gia cấp uỷ địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp uỷ các cấp theo Chi thị này. Các đồng chí tham gia cấp uỷ trong công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 48 tháng, trong quân đội, tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 30 tháng; trường hợp đặc biệt đối với công an còn tuổi công tác từ 30 tháng trở lên đến dưới 48 tháng, đối với quân đội còn tuổi công tác từ 12 tháng trở lên đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định. Giao Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương hướng dẫn cụ thể về độ tuổi cấp uỷ viên ở các đảng bộ (chi bộ) trong quân đội, công an.					

	- Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Các đồng chí bí thư là thủ trưởng, phó bí thư đảng ủy chuyên trách trong đảng bộ của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc, phó bí thư chuyên trách công tác đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại nhà nước còn tuổi công tác từ 1 năm (12 tháng) trở lên, do cấp có thẩm quyền quyết định. Giao ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ quy định nêu trên hướng dẫn cụ thể về độ tuổi tái cử đối với cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc và các loại hình tổ chức khác cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị.				
30	- Đối với lực lượng vũ trang: Giao Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn cụ thể về độ tuổi cấp ủy viên ở các đảng bộ (chỉ bộ) trong quân đội, công an	Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương			
31	- Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Giao ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ quy định nêu trên hướng dẫn cụ thể về độ tuổi tái cử đối với cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc và các loại hình tổ chức khác cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị.	Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương			
32	3.4. Độ tuổi tái cử của ban kiểm tra các cấp: Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương cụ thể hóa, hướng dẫn theo định hướng tăng thời gian tối thiểu tái cử của ban kiểm tra từ 24 tháng thành 42 tháng	Ủy ban Kiểm tra Trung ương			
	3.5. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy				
	<u>(1) Cơ cấu cấp ủy</u>				
33	- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng	Cấp ủy, tổ chức đảng			
34	- Coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn	Cấp ủy, tổ chức đảng			
35	- Thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy	Cấp ủy, tổ chức đảng			
36	- Quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đối nội cán bộ của địa phương, đơn vị.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
37	- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội	Cấp ủy, tổ chức đảng			
38	- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư (phó bí thư) cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
39	- Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp tỉnh cơ bản không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh lãnh đạo tỉnh, thành phố; Bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
40	- Cơ bản thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp tỉnh không là người địa phương gắn với việc sử dụng, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; phần đầu cơ bản hoàn thành ở cấp xã và khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác.	Cấp ủy, tổ chức đảng			

41	- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương trở lên đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (từ 8 năm trở lên) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
42	- Phấn đấu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ	Cấp ủy, tổ chức đảng			
43	- Phấn đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã) từ 10% trở lên (tính cho cả nhiệm kỳ)	Cấp ủy, tổ chức đảng			
44	- Phấn đấu tỉ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5%	Cấp ủy, tổ chức đảng			
45	- Tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị	Cấp ủy, tổ chức đảng			
46	- Cấp ủy và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bổ trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khoa mới theo quy định.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
47	- Phấn đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong nhiệm kỳ (không thực hiện đối với đảng bộ hợp nhất, sáp nhập)	Cấp ủy, tổ chức đảng			
48	- Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy các cấp và phấn đấu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
49	- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp ủy theo Chi thị này, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.	Cấp ủy, tổ chức đảng			
50	- Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Chi thị này, các quy định liên quan hướng dẫn cụ thể về cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ tham gia cấp ủy và việc đổi mới cấp ủy đối với đảng bộ trong lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trực thuộc có tính chất đặc thù đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn.	Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương			
	(2) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy				
	I- ĐẢNG BỘ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG				
51	- Đối với địa phương hợp nhất, sáp nhập: Giữ số lượng ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 như số lượng được chỉ định tại thời điểm sau hợp nhất, sáp nhập nhiệm kỳ 2020 - 2025; sẽ thực hiện giảm dần số lượng trong thời gian 5 năm sau khi hợp nhất, sáp nhập, đến nhiệm kỳ 2030 - 2035 số lượng cấp ủy sẽ thực hiện theo quy định mới của Bộ Chính trị				
52	- Các địa phương không hợp nhất, sáp nhập: số lượng ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020; đối với số lượng phó bí thư thực hiện theo Kết luận số 102-KL/TW, ngày 30/11/2024 của Bộ Chính trị.				
	II- CÁC ĐẢNG BỘ: CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG; CHÍNH PHỦ; QUỐC HỘI; MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG				
	1. Đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương				

	- Ban chấp hành không quá 39 đồng chí, Ban thường vụ không quá 17 đồng chí. Định hướng cơ cấu gồm các đồng chí: Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư là Bí thư Đảng ủy; Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; 1 lãnh đạo cấp phó là bí thư đảng ủy các ban, cơ quan đảng Trung ương (Tổ chức; ủy ban Kiểm tra; Tuyên giáo và Dân vận; Nội chính; Chính sách, chiến lược; Văn phòng), Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, 1 lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, 1 lãnh đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; 2-3 phó bí thư đảng ủy chuyên trách - Số lượng phó bí thư: 1 phó bí thư thường trực và 2 - 3 phó bí thư chuyên trách					
	2. Đối với Đảng bộ Chính phủ					
53	- Ban chấp hành không quá 61 đồng chí, Ban thường vụ không quá 17 đồng chí. Định hướng cơ cấu gồm các đồng chí: Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; các Phó Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Nội vụ; Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Tổng Thanh tra Chính phủ; 2 - 3 phó bí thư đảng ủy chuyên trách; một số cơ cấu khác do Đảng ủy Chính phủ đề xuất. - Số lượng phó bí thư: 1 phó bí thư thường trực và 2 - 3 phó bí thư chuyên trách	Đảng ủy Chính phủ				
	3. Đối với Đảng bộ Quốc hội					
54	- Ban chấp hành không quá 43 đồng chí, Ban thường vụ không quá 21 đồng chí. Định hướng cơ cấu gồm các đồng chí: Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; các Phó Chủ tịch Quốc hội; các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tổng Kiểm toán Nhà nước; 2-3 phó bí thư đảng ủy chuyên trách; cơ cấu khác do Đảng ủy Quốc hội đề xuất. - Số lượng phó bí thư: 1 phó bí thư thường trực và 2 - 3 phó bí thư chuyên trách.	Đảng ủy Quốc hội				
	4. Đối với Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương					
55	- Ban chấp hành không quá 45 đồng chí, Ban thường vụ không quá 15 đồng chí. Định hướng cơ cấu gồm các đồng chí: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, các Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội; 2-3 phó bí thư đảng ủy chuyên trách; cơ cấu khác do Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương đề xuất. - Số lượng phó bí thư: 1 phó bí thư thường trực và 2 - 3 phó bí thư chuyên trách	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương				
	III. ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ					
	1. Đảng bộ xã, phường trực thuộc cấp tỉnh					
56	- Ban chấp hành: Từ 27 - 33; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 2 xã (phường) hoặc đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 3 xã (phường) trở lên, thì số lượng tối đa không quá 33.					
57	- Ban thường vụ: Từ 9 - 11. Định hướng cơ cấu, gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân (bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm), chủ tịch ủy ban nhân dân, 1 phó chủ tịch hội đồng nhân dân, 1 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và cơ cấu khác (nếu có) do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định.	Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh				
	2. Đối với các đảng bộ trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương					

	Định hướng cơ cấu như sau: - Ban chấp hành: Từ 25 đến 33 đồng chí. - Ban thường vụ: Từ 7 đến 11 đồng chí.					
58	+ Đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Chủ tịch nước, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, gồm: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị là bí thư đảng ủy; các cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị (trong đó, 1 đồng chí là phó bí thư thường trực đảng ủy); 1 phó bí thư đảng ủy chuyên trách (nếu có); người đứng đầu cơ quan tổ chức cán bộ (nếu có chức danh này); người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.	Người đứng đầu cơ quan tổ chức cán bộ (nếu có chức danh này); người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.				
59	+ Đối với ban đảng Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, gồm: 1 cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị làm bí thư đảng ủy; 1 cấp phó của người đứng đầu là phó bí thư thường trực đảng ủy; 1 phó bí thư đảng ủy chuyên trách (nếu có); người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.	Người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.				
60	+ Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, hội quần chúng ở Trung ương do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, gồm: Người đứng đầu là bí thư đảng ủy; các cấp phó của người đứng đầu là đảng viên (trong đó, 1 đồng chí là phó bí thư thường trực đảng ủy); 1 phó bí thư đảng ủy chuyên trách (nếu có); người đứng đầu cơ quan (hoặc người phụ trách) tổ chức cán bộ (là đảng viên); người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.	Người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.				
61	+ Đối với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Bí thư thứ nhất là bí thư đảng ủy; Bí thư Thường trực là phó bí thư thường trực đảng ủy; các bí thư Trung ương Đoàn; 1 phó bí thư đảng ủy chuyên trách; người đứng đầu đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể.					
62	- Số lượng phó bí thư (gồm cả các đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở): 1 phó bí thư thường trực và 1 phó bí thư chuyên trách.					
	3. Đối với 2 đảng bộ trực thuộc đảng bộ tỉnh, thành phố					
	(1) Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố					
63	- Ban chấp hành: Các tỉnh, thành phố không hợp nhất, sáp nhập không quá 27; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập không quá 41; thành phố Hà Nội không quá 33.					
64	- Ban thường vụ: Các tỉnh, thành phố không hợp nhất, sáp nhập không quá 9; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập không quá 11. Định hướng cơ cấu như sau: Phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy là bí thư đảng ủy; thành ủy là bí thư đảng ủy; 1 ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là phó bí thư thường trực đảng ủy; 1 phó bí thư đảng ủy chuyên trách (có thể cơ cấu tham gia ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quyết định); 1 đồng chí trong thường trực hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; chánh văn phòng tỉnh ủy, thành ủy; lựa chọn 4 trong 5 lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, đơn vị: Ban tổ chức, ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính, Mặt trận Tổ quốc (trong đó cơ quan, đơn vị mà có đồng chí ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giữ chức phó bí thư thường trực, thì không giới thiệu nhân sự tham gia ủy viên ban thường vụ đảng ủy). Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá 11; ngoài cơ cấu như các tỉnh ủy, thành ủy, thì bố trí đồng chí phó bí thư thành ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố làm phó bí thư đảng ủy và cơ cấu còn lại do ban thường vụ thành ủy xem xét, quyết định.	Ban thường vụ thành ủy Hà Nội, Hồ Chí Minh (Nội dung này gồm tất cả không chỉ mỗi Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh)				

	- Phó bí thư: Các tỉnh, thành phố có 1 phó bí thư thường trực và 1 phó bí thư chuyên trách; thành phố Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh có 2 phó bí thư (trong đó có 1 đồng chí là phó bí thư thành ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố) và 1 phó bí thư chuyên trách.				
	(2) Đối với đảng bộ ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố				
65	- Ban chấp hành: Các tỉnh, thành phố không hợp nhất, sắp nhập không quá 27; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sắp nhập không quá 41; thành phố Hà Nội không quá 33.				
66	- Ban thường vụ: Các tỉnh, thành phố không hợp nhất, sắp nhập không quá 9; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sắp nhập và thành phố Hà Nội không quá 11. Định hướng cơ cấu như sau: Phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là bí thư đảng ủy; ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch thường trực ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là phó bí thư thường trực đảng ủy; các phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; giám đốc sở nội vụ; chánh văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; 1 - 2 phó bí thư đảng ủy chuyên trách (trong đó có thể có cấu 1 đồng chí tham gia ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quyết định); cơ cấu còn lại do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định.	Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy			
	- Phó bí thư: 1 phó bí thư thường trực và 1 - 2 phó bí thư chuyên trách.				
67	Lưu ý: Sau khi phân công, kiện toàn nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy mới chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2025-2030 của các đảng bộ nêu trên				
	(3) Đối với các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở khác (gồm cả đảng bộ cấp trên cơ sở doanh nghiệp của Bộ Công an)				
	- Số lượng ủy viên ban chấp hành từ 21 đến 27 đồng chí, số lượng ủy viên ban thường vụ từ 7 đến 9 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí				
	- Đối với những đảng bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước tổ chức theo mô hình đảng bộ toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty nêu tại Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư, có phạm vi hoạt động rộng, nhiều đầu mối trực thuộc, có số lượng đảng viên lớn,... thì số lượng ban chấp hành không quá 39 đồng chí, ủy viên ban thường vụ từ 11 đến 13 đồng chí.				
	IV - ĐẢNG BỘ CẤP CƠ SỞ				
	1. Đối với các đảng bộ cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Ban chấp hành không quá 23 đồng chí; Ban thường vụ không quá 7 đồng chí. Định hướng cơ cấu tương tự như các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; Số lượng phó bí thư: 1 đồng chí thường trực.				
	2. Đối với các đảng bộ (chỉ bộ) cơ sở trực thuộc đảng bộ các cơ quan đảng và đảng bộ ủy ban nhân dân cấp tỉnh:				
68	Đối với các đảng bộ (chỉ bộ) cơ sở trực thuộc đảng bộ các cơ quan đảng và đảng bộ ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị và các quy định liên quan để hướng dẫn cụ thể về cơ cấu, số lượng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chỉ thị của Bộ Chính trị và phù hợp với quy mô của tổ chức đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn	Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy			
	3. Đối với các đảng bộ (chỉ bộ) cơ sở thuộc loại hình khác				
69	- Ban chấp hành không quá 15 đồng chí, Ban thường vụ không quá 5 đồng chí. Đảng bộ cơ sở được giao hoặc thi điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở theo Quy định số 113-QĐ/TW, ngày 10/7/2023 của Ban Bí thư, thì số lượng cấp ủy không quá 27 đồng chí, ban thường vụ từ 7 đến 9 đồng chí, do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng cụ thể.	Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh			
70	Cơ cấu cấp ủy do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.				

	V- ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP								
71	Đối với những đảng bộ thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập (gồm cả Đảng bộ Công an) theo quy định, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Chỉ thị này nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Chỉ thị này.								
72	Lưu ý: Đối với những đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã hợp nhất, sáp nhập, thì thực hiện theo quy định nêu tại các mục tương ứng ở Phần I, III nêu trên.								
73	VI- ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI, CÔNG AN								
	Đảng bộ Quân đội, Công an thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.								
	VII- ĐỐI VỚI ĐẢNG BỘ ĐẶC KHU TRỰC THUỘC CẤP TỈNH								
74	Căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị và các quy định liên quan, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trao đổi, thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương để xem xét, quyết định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.					Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy			
75	Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của cấp có thẩm quyền.					Cấp ủy, tổ chức đảng			
	4. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên								
	- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:								
	+ Các Đảng bộ: Chính phủ, Quốc hội, các cơ quan Đảng Trung ương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương từ 250 đến 450 đại biểu; Đảng bộ Công an Trung ương từ 300 đến 350 đại biểu; Đảng bộ Quân đội không quá 450 đại biểu.								
76	+ Các đảng bộ tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập: Địa phương sáp nhập từ 2 tỉnh, thành phố không quá 450 đại biểu; địa phương sáp nhập từ 3 tỉnh, thành phố không quá 500 đại biểu; Thành phố Hồ Chí Minh không quá 550 đại biểu.								
77	+ Các đảng bộ tỉnh, thành phố không hợp nhất, sáp nhập không quá 400 đại biểu; Nghệ An, Thanh Hóa không quá 500 đại biểu, Hà Nội không quá 550 đại biểu.								
	- Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương không quá 300 đại biểu.								
	- Đối với đảng bộ các xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập thì số lượng đại biểu đại hội không quá 250.								
	- Đảng bộ cơ sở: (i) Được giao quyền hoặc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở, không quá 250 đại biểu, (ii) Các đảng bộ có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu, số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. (iii) Các đảng bộ có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định								
	5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp								
	- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 2 ngày hoàn thành trước ngày 30/6/2025. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường, đặc khu không quá 2 ngày; hoàn thành trước ngày 31/8/2025. Đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương không quá 4 ngày với những nơi tiến hành đại hội 2 nội dung thì thời gian có thể ngắn hơn), hoàn thành trước ngày 31/10/2025.								
	- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không quá 1/2 ngày.								

	- Thời gian tổ chức đại hội điểm: cấp trên trực tiếp cơ sở vào đầu quý III/2025; cấp trực thuộc Trung ương trong quý III/2025					
	6. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội					
	- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khoa mới ngay sau đại hội hoặc sau khi được chỉ định theo phương án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn.					
	- Chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghị công tác, nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử. Đối với cán bộ đủ tuổi tái cử mà có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì cho nghỉ hưu và giải quyết chế độ, chính sách					
78	- Quan tâm, điều động, phân công, bố trí công tác đối với các đồng chí cấp ủy viên cấp huyện đảm nhận các chức danh lãnh đạo ở cấp xã sau khi thực hiện việc kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện	Cấp ủy, tổ chức đảng				
	- Cán bộ ở cấp xã sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã không tái cử do không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc không thể phân công, bố trí công tác khác, thì thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật					
	- Về thời điểm thời giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp uỷ nhưng không tham gia cấp uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện như sau: + Cấp tỉnh: Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp uỷ cấp tỉnh (không bao gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII), thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp gần nhất của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, thì để cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021-2026. + Cấp xã: Giao ban thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ vào tình hình cụ thể để quy định không trái với nguyên tắc nêu trên.					
	III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN					
79	Các cấp uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt Chỉ thị này và xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp mình; lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đối với các đảng bộ trực thuộc; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025	Cấp ủy, tổ chức đảng				
80	Cấp uỷ các cấp thành lập các tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công uỷ viên thường vụ, cấp uỷ viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới (nếu có); tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.	Cấp ủy, tổ chức đảng				
81	Ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp uỷ khoa mới, khi được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến về dự thảo các văn kiện, đề án nhân sự cấp uỷ trực thuộc Trung ương và phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra việc chuẩn bị, dự và chỉ đạo đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương.	Ban thường vụ				

82	Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; các ban, cơ quan đảng ở Trung ương; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn liên quan; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chi thị này và các quy định của Đảng. Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan sớm sửa đổi quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử và cán bộ do thực hiện sáp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đồng thời, có chính sách cụ thể đề xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp ủy, quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung.	Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; các ban, cơ quan đảng ở Trung ương; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan				
83	Quản ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương chủ động phối hợp chặt chẽ với các tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn một số nội dung đại hội đảng bộ của quân đội, công an ở địa phương.	Quản ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương				

